

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**



**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 – NHIỆM KỲ 2021-2026**

- Ngày Đăng ký cuối cùng: 04/06/2021
- Ngày Đại hội: 30/06/2021

Vĩnh Long, ngày 08 tháng 06 năm 2021

Số: **31** /TB-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày **09** tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

(Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Nhiệm kỳ 2021-2026)

Kính gửi: Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Nhiệm kỳ 2021-2026.

- 1. Thời gian:** Lúc 7 giờ 30 phút, Thứ tư ngày **30/06/2021**.
- 2. Địa điểm:** Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1 – TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- 3. Nội dung chính của Đại hội:** (Xem chi tiết nội dung chương trình kèm theo)
- 4. Tài liệu Đại hội:** Được đăng tải trên website của Công ty: <http://www.capnuocvl.com.vn>
- 5. Xác nhận tham dự Đại hội:** Để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi và chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng đăng ký xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền (theo mẫu gửi kèm), gửi về văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trước 16 giờ ngày 22/06/2021 theo địa chỉ sau :

Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Địa chỉ: 02 Hưng Đạo Vương - Phường 1-Thành phố Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822583 – 0270.3827777, 0913 672717 gặp Anh Thắng

Fax : 0270.3829432

Email: capnuocvl@gmail.com

Cổ đông tham dự Đại hội có mặt tại địa điểm tổ chức Đại hội vào lúc 7 giờ 30 phút và xin vui lòng mang theo Giấy mời họp; CMND/hộ chiếu (bản gốc). Đối với trường hợp người được ủy quyền, đề nghị mang theo Giấy ủy quyền (bản gốc) và CMND/hộ chiếu (bản gốc) của người ủy quyền .

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi
- Website của Công ty
- Lưu.VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG TẤN CHIẾN

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 - NHIỆM KỲ 2021-2026**

Thời gian: Bắt đầu vào lúc 7 giờ 30 phút, Thứ tư, ngày 30/06/2021.

Địa điểm: Số 02 Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h30-12h30		
I. Chuẩn bị (7h30-8h)	Đón tiếp đại biểu và khách mời <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu- Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông- Phát tài liệu Đại hội	Ban tổ chức
II. Nghi thức (8h-8h30)	Khai mạc Đại hội <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành.- Giới thiệu Chủ tọa Đại hội.- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký Đại hội.- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu và thông qua biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông- Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội- Thông qua chương trình Đại hội	Ban tổ chức Ban tổ chức Ban tổ chức Chủ tọa ĐH Chủ tọa ĐH Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch
III. Nội dung BC (8h30-10h)	Báo cáo/ Tờ trình thông qua Đại hội <ul style="list-style-type: none">- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026; kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2020; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2016-2020; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng nhiệm kỳ 2021-2026.- Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.- Thông qua Tờ trình việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2020.- Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.- Thông qua Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021.	Đoàn chủ tịch Trưởng BKS Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch Đoàn chủ tịch

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2021. - Thông qua Tờ trình Điều lệ sửa đổi - Thông qua Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi - Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT - Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của BKS - Đại hội thảo luận và góp ý - Cổ đông tham dự biểu quyết 	<p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p>
<p>IV. Bầu cử (10h-10h30)</p>	<p>Quy chế/ Tờ trình thông qua Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020 - Đại hội Bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 <p><i>Thông qua quy chế bầu cử TV HĐQT và BKS.</i></p> <p><i>Thông qua Tờ trình số lượng thành viên HĐQT và BKS.</i></p> <p><i>Thông qua Tờ trình nhân sự đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS đủ tiêu chuẩn.</i></p> <p><i>Trích ngang lý lịch các ứng viên</i></p> <p><i>Giới thiệu và thông qua Ban bầu cử kiểm phiếu</i></p> <p><i>Hướng dẫn Bầu Dồn Phiếu.</i></p> <p><i>Bầu Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2021-2026)</i></p>	<p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Đoàn chủ tịch</p> <p>Ban kiểm phiếu</p>
<p>(10h30-11h)</p>	<p>Nghỉ giải lao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội nghỉ giải lao giữa giờ - Ban bầu cử kiểm phiếu bầu 	<p>Ban kiểm phiếu</p>
<p>(11h-12h)</p>	<p>Kết quả bầu cử & biểu quyết các tờ trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình - Công bố kết quả bầu cử - HĐQT, BKS họp phiên đầu tiên bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát và đề cử bổ nhiệm Tổng Giám đốc. - HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 ra mắt nhận nhiệm vụ. - Tặng hoa, quà tặng cho các thành viên HĐQT và BKS không tái cử. 	<p>Ban kiểm phiếu</p> <p>Ban kiểm phiếu</p> <p>HĐQT, BKS</p> <p>HĐQT, BKS</p> <p>Đoàn chủ tịch</p>
<p>V. Bế mạc (12h-12h30)</p>	<p>Tổng kết Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản Đại hội. - Thông qua Nghị quyết Đại hội. - Tuyên bố bế mạc Đại hội. 	<p>Ban Thư ký</p> <p>Ban Thư ký</p> <p>Ban tổ chức</p>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông
thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long

Cổ đông:

Địa chỉ:

Số CMND/DKKD: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: CP

Căn cứ Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026 tổ chức vào ngày 30/06/2021; Để đảm bảo việc phòng chống dịch Covid 19 theo tinh thần Công văn số 2786/UBND –VX ngày 02/06/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh, tại mục c khoản 2 quy định “... *Tạm dừng các hoạt động hội họp, các sự kiện tập trung trên 30 người trong một phòng...*”. Hội đồng Quản trị Công ty khuyến nghị cổ đông nên ủy quyền cho Ban tổ chức Đại hội để hạn chế số lượng tham dự đại hội nhằm đảm bảo việc phòng chống dịch Covid -19.

Xin quý cổ đông trả lời về việc tham dự Đại hội như sau: (*đánh dấu X vào ô vuông*).

Người được ủy quyền:

Ông Đặng Tân Chiến Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Tấn Phát Tổng giám đốc

Người tham dự khác:

Tên người được ủy quyền:.....Mã số cổ đông (*nếu có*):.....

Số CMND: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Trực tiếp tham dự

Lưu ý: Người được ủy quyền được tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026 tổ chức ngày 30/06/2021 có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty.

Khi tham dự Đại hội, Quý cổ đông (hoặc người được ủy quyền) cần mang theo giấy này và CMND (hoặc hộ chiếu) để Ban tổ chức làm thủ tục đăng ký cổ đông.

....., ngày ... tháng năm 2021

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

Số: /CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
- NHIỆM KỲ 2021 - 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần cấp nước Vĩnh Long.

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung chính như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

Các Cổ đông/Người nhận ủy quyền của Cổ đông khi đến tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp. Các nội dung chính cần Đại hội thảo luận và biểu quyết bao gồm:

- Biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Ban Kiểm phiếu; Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020; Tờ trình thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS Nhiệm kỳ 2021 – 2026; Tờ trình thông qua danh sách ứng cử HĐQT và BKS Nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội đồng cổ thường niên năm 2021, bao gồm:

- + Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021;

- + Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2020; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 phương hướng năm 2021; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2016-2020; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 và phương hướng nhiệm kỳ 2021-2026.

- + Tờ trình báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;
- + Tờ trình việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2020;
- + Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- + Tờ trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021;
- + Tờ trình thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2021;
- + Tờ trình thông qua Điều lệ sửa đổi;
- + Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi;
- + Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT;
- + Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS;
- Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện để tổ chức Đại hội:

1.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 04/06/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Nhiệm kỳ 2021 -2026. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

1.2. Thủ tục đăng ký tham dự Đại hội

- a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
 - Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).
- b. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận Tài liệu Đại hội.
 - Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:
 - + Thẻ biểu quyết (*Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền)*)
 - + Phiếu biểu quyết (*Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).*)

- Phiếu bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát
- + Phiếu bầu cử màu HỒNG để bầu thành viên Hội đồng quản trị
- + Phiếu bầu cử màu XANH để bầu thành viên Ban Kiểm soát

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

1.3. Điều kiện để tổ chức Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày 04/06/2021.

2. Ban tổ chức Đại hội

2.1. Chủ tọa, Đoàn chủ tịch:

- Chủ tọa là Chủ tịch HĐQT đương nhiệm (theo quy định của Luật Doanh nghiệp); Chủ tọa chỉ định các thành viên Đoàn chủ tịch để thực hiện điều hành Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch:

+ Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

+ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

+ Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

2.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 04/06/2021;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết;

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

2.3. Ban Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch bao gồm:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

+ Công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

2.4. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

+ Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

+ Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

+ Phổ biến, hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

+ Tiến hành thu phiếu bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo trước Đại hội về kết quả bầu cử.

+ Xem xét và báo cáo Đại hội quyết định những vấn đề phát sinh liên quan đến bầu cử.

3. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;

- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;

- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;

- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;

- Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký tập hợp.

4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

4.1. Thể lệ biểu quyết

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

a) Hình thức biểu quyết: Có 2 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu

- Giơ thẻ biểu quyết: Ban kiểm phiếu; thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của BKS; Biên bản và Nghị quyết Đại hội; Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020; Tờ trình thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS Nhiệm kỳ 2021 – 2026; Tờ trình thông qua danh sách ứng cử HĐQT và BKS Nhiệm kỳ 2021 – 2026.

- Bỏ phiếu:

+ Biểu quyết nội dung các Tờ trình tại Đại hội;

+ Bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát (*thực hiện theo quy chế bầu cử*).

b) Cách thức biểu quyết:

- Giơ thẻ: theo hướng dẫn của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch, cổ đông lần lượt biểu quyết (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa, Đoàn chủ tịch.

- Bỏ phiếu:

+ Biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (*tán thành, không tán thành hay không có ý kiến*). Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

+ Bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (*thực hiện theo Quy chế bầu cử*).

5.2 Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội

Cổ đông, đại diện cho cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

6. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long và sẽ được đăng tải lên Website của Công ty.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 -nhiệm kỳ 2021 -2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sau được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - nhiệm kỳ 2021 -2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG TẤN CHIẾN

DỰ THẢO

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2016-2020, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM
KỲ 2021-2026; KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SẢN
XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long báo cáo Đại hội đồng cổ đông tổng kết nhiệm kỳ 2016-2020, định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026; kết quả thực hiện năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
- Tên viết tắt: VWACO
- Mã cổ phiếu: VLW
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: (0270) 382 2583
- Số fax: (0270) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500174831
- Vốn điều lệ: 289.000.000.000 đồng; số lượng cổ phần 28.900.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2020:

- + Vốn nhà nước: 147.390.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 51%
- + Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 141.610.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 49 %
- Mã cổ phiếu: **VLW**
- Sàn giao dịch: Upcom

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý :

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

II. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM KỲ 2016-2020

1. Nhân sự Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020

- Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 25/05/2016, bầu Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên gồm các Ông/bà: Ông Đặng Tấn Chiến, Ông Nguyễn Tấn Phát, Bà Lê Thị Quyển, Bà Bùi Thiện Ngọc Minh, Ông Huỳnh Văn Nhân. Trong đó các thành viên HĐQT đã bầu chức danh Chủ tịch HĐQT là ông Đặng Tấn Chiến; Bổ nhiệm Tổng Giám đốc là ông Nguyễn Tấn Phát.
- Ngày 25/04/2019 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua Hội đồng quản trị gồm có 07 thành viên và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020 là ông Đặng Thanh Bình và Ông Trần Ngọc Thành Nhơn. Tuy nhiên từ ngày 01/01/2021 Ông Trần Ngọc Thành Nhơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT và đã được HĐQT công ty chấp thuận, đang chờ Đại hội đồng cổ đông xem xét miễn nhiệm.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020

2.1 Một số chỉ tiêu kinh tế:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	2016	Kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2016-2020				
				2016 (*)	2017	2018	2019	2020
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	289.000	289.000	289.000	289.000	289.000	289.000
2	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	1000 m ³	14.083	8.080	14.639	15.377	16.266	17.182
3	Tỷ lệ thất thoát	%	22	22,00	21,70	21,50	20,50	20,00
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	111.980	61.831	133.553	140.007	171.601	184.284
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.045	8.740	36.066	33.538	54.559	63.922
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.467	7.427	30.836	31.652	52.364	62.025
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	2.890	2.890	17.340	17.340	23.120	28.900
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	1%	1%	6%	6%	8%	10%
9	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đồng	6,61	6,61	7,00	7,68	8,16	8,51

(*) Năm 2016 được tính từ thời điểm chuyển sang hình thức công ty cổ phần ngày 31/05/2016-31/12/2016)

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng bình quân là 4,4%
- Doanh thu tăng bình quân là 12,91%
- Lợi nhuận trước thuế tăng bình quân là 31,05%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ tăng bình quân là 13,89%
- Mức trả cổ tức bình quân 6,76%/Vốn điều lệ

2.2 Đầu tư, sửa chữa mở rộng Hệ thống cấp nước

Nội dung đầu tư	ĐVT	Năm 2016 (từ 31/05/2016-31/12/2016)		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)	Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)	Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)	Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)	Khối lượng	Giá trị (triệu đồng)
1. Mạng ống tải và phân phối >D100	Mét	-	-	-	-	-	-	-	-	8.923	31.698
+ Lắp đặt mới	“	-	-	-	-	-	-	-	-	8.923	31.698
+ Thay thế	“	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Mạng ống dịch vụ D40- 90	Mét	60.103	11.587	75.118	15.918	78.148	19.067	77.229	25.582	50.575	16.195
+ Lắp đặt mới	“	57.209	10.859	65.113	13.399	73.404	17.504	62.107	16.682	47.256	13.836
+ Thay thế	“	2.894	728	10.005	2.519	4.744	1.563	15.122	8.900	3.319	2.359
3. Đầu nối khách hàng	Hộ	5.059	8.148	5.185	8.400	4.691	7.757	3.186	6.104	2.981	5.766
+ Lắp đặt mới	“	5.059	8.148	5.185	8.400	4.691	7.757	3.186	6.104	2.981	5.766
4. Sửa chữa thay thế		6.615	2.664	10.560	4.959	15.092	8.850	10.379	6.604	17.561	9.443
+ Thay thế, chỉnh trang (DTĐN)	Hộ	1.037	1.611	2.351	2.327	1.838	1.958	3.615	3.662	3.184	4.129
+ Thay thế đồng hồ định kỳ	Chiếc	5.578	1.053	8.209	2.632	13.254	6.892	6.764	2.942	14.377	5.314
5. Công trình khác		-	4.633	-	2.604	-	17.434	-	2.689	-	20.999
Tổng số			27.032		31.881		53.108		40.979		84.101

2.3 Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước cổ đông của công ty, triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình thực tế, vận dụng sáng tạo điều kiện cơ sở vật chất hiện có huy động tối đa công suất các nhà máy để sản xuất và cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn được giao quản lý; quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của doanh nghiệp để đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân tại các đô thị Tỉnh.
- Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- Các chế độ báo cáo được lập đầy đủ và kịp thời theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.
- Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.
- Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực đã phân vùng tách mạng; tăng cường công tác dò tìm và sửa chữa ống bể... Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng.
- Thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.
- Hoàn thành chỉ tiêu hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn Tỉnh.

1. Tình hình quản trị công ty

3.1 Các cuộc họp Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự nhiệm kỳ 2016-2020	Tỷ lệ % tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch	25/05/2016	35/35	100%	
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên	25/05/2016	35/35	100%	
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên	25/05/2016	35/35	100%	
4	Lê Thị Quyển	Thành viên	25/05/2016	35/35	100%	
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	25/05/2016	34/35	97%	Bận việc riêng
6	Đặng Thanh Bình	Thành viên	25/04/2019	7/7	100%	
7	Trần Ngọc Thành Nhơn	Thành viên	25/04/2019	6/7	86%	Bận việc riêng & có đơn xin thôi giữ chức vụ TV HĐQT

3.2 Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

- Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị đã ban hành 35 Nghị quyết và 13 Quyết định về

nhân sự, Quy chế quản lý... và các Quyết định của Chủ tịch HĐQT-Người đại diện theo pháp luật về công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Ngoài các phiên họp định kỳ mỗi năm 4 lần theo đúng quy định, khi xét thấy cần thiết HĐQT cũng triệu tập các cuộc họp đột xuất để bàn thống nhất thông qua một số nội dung cần triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời đưa ra các nghị quyết, quyết định để định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

4. Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và người quản lý điều hành khác nhiệm kỳ 2016- 2020.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Ngày bổ nhiệm	Năm 2016 (T6-12)	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Thù lao Hội đồng quản trị	Triệu đồng		126,0	216,0	216,0	288,0	324,0
	Nguyễn Tấn Phát	Triệu đồng	25/05/2016	31,5	54,0	54,0	54,0	54,0
	Bùi Thiện Ngọc Minh	Triệu đồng	25/05/2016	31,5	54,0	54,0	54,0	54,0
	Lê Thị Quyến	Triệu đồng	25/05/2016	31,5	54,0	54,0	54,0	54,0
	Huỳnh Văn Nhân	Triệu đồng	25/05/2016	31,5	54,0	54,0	54,0	54,0
	Đặng Thanh Bình	Triệu đồng	25/04/2019	-	-	-	36,0	54,0
	Trần Ngọc Thành Nhơn	Triệu đồng	25/04/2019	-	-	-	36,0	54,0
2	Tiền lương Tổng Giám đốc và người quản lý khác (Chủ tịch HĐQT, Phó TGD, KTT)	Triệu đồng	31/05/2016	1.091,9	2.206,80	2.318,4	2.318,4	2.169,6
	Trong đó:							
	Tổng Giám đốc	Triệu đồng		294,0	504,0	504,0	504,0	504,0
3	Ban kiểm soát	Triệu đồng	25/05/2016	344,4	590,4	590,4	575,4	581,4

5. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị luôn giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong nhiệm kỳ 2016-2020, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2016-2020 (trong đó năm 2016 từ ngày 31/05/2016 – 31/12/2016) như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện kế hoạch các năm của nhiệm kỳ 2016-2020														
			2016 (31/05/2016-31/12/2016)			2017			2018			2019			2020		
			KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
1	Nước sạch tiêu thụ	1000 m ³	7.386	8.080	109,39%	14.300	14.639	102,37%	15.200	15.377	101,16%	16.000	16.266	101,66%	16.680	17.182	103,01%
2	Tỷ lệ thất thoát	%	22,00	22,00	100,00%	21,70	21,70	100,00%	21,50	21,50	100,00%	20,50	20,50	100,00%	20,00	20,00	100,00%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	55.793	61.991	111,11%	116.879	133.553	114,27%	133.900	140.007	104,56%	159.840	171.601	107,36%	175.653	184.284	104,91%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.246	8.399	90,84%	25.450	36.066	141,71%	28.765	33.538	116,59%	38.533	54.559	141,59%	56.613	63.922	112,91%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.397	7.166	96,88%	22.204	30.838	138,88%	27.539	31.652	114,94%	36.752	52.364	142,48%	52.355	62.025	118,47%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	4.757	4.345	91,34%	9.224	11.593	125,68%	10.381	12.815	123,45%	12.815	15.392	120,11%	15.593	16.592	106,41%

6. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác

- Trong nhiệm kỳ 2016-2020 Hội đồng quản trị đã giám sát đối với Tổng Giám đốc Công ty thông qua việc kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/HĐQT.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động đồng thời đảm bảo công tác an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn tỉnh, Tổng Giám đốc đã triển khai các biện pháp hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị mặc dù trong thời gian qua công ty còn gặp rất nhiều khó khăn như hạn mặn, dịch bệnh và vốn đầu tư các công trình XDCB không còn được nhà nước cấp.
- Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:
 - + Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
 - + Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp.
 - + Định kỳ, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.
 - + Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty.
 - + Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

7. Việc công bố thông tin

- Trong nhiệm kỳ qua Hội đồng quản trị đã hoàn thành thủ tục đăng ký công ty đại chúng đưa cổ phần của công ty đi lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Thành phố HCM và hoàn thành các thủ tục giao dịch chứng khoán VLW trên sàn UpCom thuộc sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đồng thời công bố thông tin đầy đủ kịp thời theo quy định của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản lý, điều hành công ty trong nhiệm kỳ qua đều được công khai trên trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ [http:// capnuocvl.com.vn](http://capnuocvl.com.vn), trang công bố thông tin điện tử của UBCKNN (IDS), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (CIMS), Hệ thống công bố thông tin các doanh nghiệp nhà nước của Bộ tài Chính.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Năm 2020 Công ty gặp rất nhiều khó khăn như hạn mặn kéo dài ảnh hưởng đến nguồn nước sản xuất, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng nhờ sự linh hoạt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành và sự nỗ lực của tập thể người lao động đã hoàn thành kế hoạch đề ra với doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % TH20/KH20	Tỷ lệ % TH20/TH19
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m ³	16.265.651	16.680.000	17.182.407	103,01%	105,64%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	171.601	175.653	184.284	104,91%	107,39%
	<i>Trong đó doanh thu nước sạch</i>	Triệu/đ	144.875	153.126	157.794	103,05%	108,92%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	54.559	56.613	63.922	112,91%	117,16%
	<i>Trong đó lợi nhuận nước sạch</i>	Triệu/đ	42.767	45.556	48.266	105,95%	112,86%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	52.364	54.402	62.025	114,01%	118,45%
5	Nợ ngân sách nhà nước	Triệu/đ	15.392	15.593	16.592	106,41%	107,80%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ	%	18,12%	18,82%	21,46%	114,01%	118,45%
7	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	289.000	100,00%	100,00%

2. Tình hình quản trị công ty năm 2020

Các Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	16/03/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
2	02/NQ-HĐQT	01/06/2020	Trả cổ tức năm 2019
3	03/NQ-HĐQT	17/06/2020	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
4	04/NQ-HĐQT	25/12/2020	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhân sự năm 2021
5	69/QĐ-HĐQT	14/08/2020	Nghĩ việc hưởng chế độ hưu trí đối với Phó Tổng Giám đốc Trần Văn Bản
6	Các Quyết định quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Chủ tịch HĐQT-Người đại diện theo pháp luật gồm: Lĩnh vực đầu tư XDCB, thi đua khen thưởng và quản lý khác của doanh nghiệp.		

3. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng. Mở thêm nhiều kênh thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị.
- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của công ty; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế.
- Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên thị trường chứng khoán và công tác báo cáo giám sát cho UBND tỉnh của người đại diện vốn nhà nước tại đơn vị.

4. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc Công ty và người điều hành khác

- Tổng giám đốc đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.
- Trong năm 2020, Công ty gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid-19 kéo dài, tình trạng xâm nhập mặn trên địa bàn quản lý diễn ra rất phức tạp khó lường, nhưng Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý đồng thời hỗ trợ nước sạch cho các địa phương lân cận bị hạn mặn;
- Duy trì chế độ họp giao ban định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban điều hành;
- Tổng Giám đốc đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công việc hiệu quả hơn. Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị. Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc am hiểu nghiệp vụ chuyên môn, có tâm huyết, dám nghĩ dám làm và tạo được mối quan hệ tốt về nội bộ, nhất là với cổ đông lớn;
- Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Tổng Giám đốc và các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Năm 2020 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

6. Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và người quản lý điều hành khác năm 2020.

STT	Chỉ tiêu	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương	Tiền thưởng	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị		324.000.000	-	-	
	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Lê Thị Quyên	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Đặng Thanh Bình	Thành viên	54.000.000	-	-	
	Trần Ngọc Thành Nhơn	Thành viên	54.000.000	-	-	Xin miễn nhiệm từ 01/01/2021
2	Người quản lý, điều hành công ty (Chủ tịch HĐQT, TGD, PTGD, KTT)		-	2.169.600.000	271.200.000	
	<i>Trong đó: Tổng giám đốc</i>	<i>Đồng</i>		<i>504.000.000</i>	<i>63.000.000</i>	
3	Ban kiểm soát	Đồng	63.000.000	460.800.000	57.600.000	
	TỔNG CỘNG		387.000.000	2.630.400.000	328.800.000	

IV ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ 2021- 2026 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Các chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ 2021-2026

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Định hướng nhiệm kỳ 2021-2026				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	1000 m3	18.100	18.824	19.577	20.360	21.174
2	Tỷ lệ thất thoát	%	19,5	18,00	17,00	16,00	14,80
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	192.175	201.006	210.262	219.965	230.138
3.1	<i>Doanh thu nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>166.234</i>	<i>174.546</i>	<i>183.273</i>	<i>192.437</i>	<i>202.058</i>
3.2	<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>25.941</i>	<i>26.460</i>	<i>26.989</i>	<i>27.529</i>	<i>28.079</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	67.662	70.597	73.671	76.888	80.258
4.1	<i>Lợi nhuận nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>52.739</i>	<i>55.376</i>	<i>58.145</i>	<i>61.052</i>	<i>64.105</i>
4.2	<i>Lợi nhuận hoạt động khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>14.923</i>	<i>15.221</i>	<i>15.526</i>	<i>15.836</i>	<i>16.153</i>
5	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	23.120	23.120	23.120	23.120	23.120
6	Tỷ lệ trả cổ tức tối thiểu	%	8%	8%	8%	8%	8%

- Sản lượng nước tiêu thụ tăng bình quân là 4%
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch tăng bình quân là 5%
- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch tăng bình quân là 5%
- Mức trả cổ tức thực hiện bình quân hàng năm tối thiểu là 8%/ vốn điều lệ
- Tỷ lệ nước thất thoát phát đầu đến năm 2026 giảm dưới 15%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m ³	17.182.407	18.100.000	105,34%
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	20,50	19,50	95,12%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	184.284	192.175	104,28%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	63.922	67.662	105,85%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	62.025	62.326	100,49%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	16.592	17.386	104,79%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ	%	21,46%	21,57%	100,49%
8	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	100,00%

1. Định hướng nhiệm kỳ 2021-2026

Trong nhiệm kỳ tới dự báo tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục ổn định và đang trên đà phát triển. Tuy nhiên doanh nghiệp sẽ đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn các chi phí đầu vào tiếp tục tăng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu mà trực tiếp là tình trạng xâm nhập mặn hàng năm, dự báo tăng giá điện, đặc biệt là dịch bệnh covid-19 ... trong bối cảnh đó HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã được ĐHCĐ thông qua, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.
- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 công ty tiếp tục triển khai các biện pháp ngăn ngừa dịch bệnh đồng thời chủ động tăng cường công tác dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất nước sạch để cung cấp cho người dân.
- Tăng cường công tác dự báo tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng vùng phục vụ của công ty.
- Khai thác sử dụng phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.
- Triển khai thực hiện đề án Scada, đồng hồ thông minh cho hệ thống cấp nước, đa dạng hóa nhiều hình thức thu tiền nước để tiến tới việc thu tiền nước không dùng tiền mặt.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt quyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước và tăng cường tìm kiếm nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức tín dụng, kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư trong nước kể cả việc phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu để

huy động vốn nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho các cổ đông.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế quản trị nội bộ, đặt biệt là việc xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động sản xuất của công ty... đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc.
- Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước của công ty dưới 15% vào năm 2026 (riêng năm 2021 là 19,5%), đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả người dân trên địa bàn đô thị tỉnh.
- Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm.
- Chỉ đạo hoàn thiện tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác ở những lĩnh vực có tiềm năng mà pháp luật cho phép.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động công bố thông tin của đơn vị hơn nữa nhằm công khai minh bạch tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị công ty đến tất cả các cổ đông để cùng kiểm tra, giám sát.
- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đặng Tấn Chiến

DỰ THẢO

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020; TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 - PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021**

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 52 Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long (*Điều lệ sửa đổi bổ sung Lần 2 đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019*) và quy định tại Điều 17 Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long (*Quy chế quản trị sửa đổi bổ sung Lần 1 đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019*).

Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và kết quả kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Về đánh giá kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2020 của HĐQT về các mặt: kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý công nợ và các mặt công tác khác của Công ty, đồng thời báo cáo đã nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và lưu ý những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo thực hiện trong năm 2021.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

A. PHẦN 1 - BÁO CÁO THẨM ĐỊNH VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY, VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

I. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH:

1/ Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 (*từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020*) đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh của HĐQT và Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính năm 2020 (*từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020*) của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện.

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ giao năm 2020, thực hiện như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m ³	16.680.000	17.182.407	103,01%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	175.653	184.284	104,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	56.613	63.922	112,91%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	54.402	62.025	114,01%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	18,82	21,46	114,03%
6	Tỷ suất cổ tức / Vốn cổ phần (*)	%	8	10	125,00%

Ghi chú:

(*) Hội đồng quản trị công ty dự kiến trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt là 10% /vốn điều lệ.

- Công ty luôn chú trọng công tác quản lý vận hành, kiểm soát chất lượng nước, chống thất thoát nước, tiết kiệm điện năng, vật tư sản xuất nước...

- Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, sản lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2020 là 17.182.407 m³; lắp đặt phát triển khách hàng tăng thêm năm 2020 là 2.981 hộ, nâng tổng hộ sử dụng nước tính đến ngày 31/12/2020 lên đến 74.750 hộ trong toàn đô thị trong Tỉnh (ngoại trừ Bình Minh, Bình Tân và Mang Thít). Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trong vùng phục vụ theo thỏa thuận trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đạt 99,50% với mức cung cấp nước sạch bình quân là 105 lít/người/ngđ.

2/ Về công tác đầu tư phát triển:

- Công tác thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước phân phối và đồng hồ nước:
- + Phát triển ống phân phối + dịch vụ: 56.179 m với giá trị 45.534 triệu đồng.
- + Lắp đặt mới đồng hồ nước: 2.981 chiếc với giá trị 5.766 triệu đồng.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Thẩm định báo cáo tài chính :

- Báo cáo tài chính năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020) bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020) được kiểm

toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU		31/12/2020	31/12/2019
	TỔNG TÀI SẢN	490.975.887.936	455.604.698.393
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	164.818.225.998	172.359.721.863
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	35.868.211.492	19.629.854.131
II-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	102.985.000.000	126.405.000.000
III-	Các khoản phải thu ngắn hạn	8.848.435.576	12.206.814.311
IV-	Hàng tồn kho	14.562.226.738	13.318.895.484
V-	Tài sản ngắn hạn khác	2.554.352.192	799.157.937
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	326.157.661.938	283.244.976.530
I-	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II-	Tài sản cố định	265.675.314.693	233.280.433.642
III-	Bất động sản đầu tư	0	0
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	21.341.483.412	26.669.547.859
V-	Đầu tư tài chính dài hạn	34.770.754.818	18.447.754.818
VI-	Tài sản dài hạn khác	4.370.109.015	4.847.240.211
	TỔNG NGUỒN VỐN	490.975.887.936	455.604.698.393
A-	NỢ PHẢI TRẢ	114.402.226.009	110.202.320.601
I-	Nợ ngắn hạn	44.633.283.448	39.308.266.090
II-	Nợ dài hạn	69.768.942.561	70.894.054.511
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU	376.573.661.927	345.402.377.792
I-	Vốn chủ sở hữu	375.925.290.958	344.833.739.823
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	289.000.000.000	289.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	18.597.370.008	12.394.910.374
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68.327.920.950	43.438.829.449
II-	Nguồn kinh phí và quỹ khác	648.370.969	568.637.969

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2020:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2020
1- Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	62,17	66,43
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37,83	33,57
2- Cơ cấu nguồn vốn			

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019	Năm 2020
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	24,19	23,30
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	75,81	76,70
Nợ phải trả/Vốn CSH	%	31,91	30,38
3- Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	4,05	3,37
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tổng tài sản/Nợ ngắn hạn)	Lần	11,59	11,00
Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	4,13	4,29
4-Hiệu quả			
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	11,49	12,63
Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	32,71	36,85
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	15,19	16,47
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	18,12	21,46

- Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác SXKD, ĐTXD; đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2020, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH năm 2020 đạt 0,3 lần. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán hiện hành đều đảm bảo trên 1 lần.

- Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết và thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến trích lập dự phòng nợ phải thu thể hiện sự chủ động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả kinh doanh hàng năm.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, tổng số phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm 2020 là 16,592 tỷ đồng.

- Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Ban kiểm soát Công ty nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2020 (từ ngày 31/01/2020 đến ngày 31/12/2020) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

III. BÁO CÁO GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Tổng Giám đốc trong năm 2020:

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm 2020, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các

hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2020. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trong năm 2020.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên năm 2020:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 (từ ngày 31/01/2020 đến ngày 31/12/2020) của Công ty.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua; chi tiết đã được thể hiện trên khoản 6 phần III trong Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 tại ĐHĐCĐ 2021.

Trong năm 2020, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các Đơn vị trực thuộc, Phòng, Ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

3. Việc công bố thông tin với UBCKNN & Sở giao dịch chứng khoán:

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính và Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong năm 2020 Công ty không xảy ra trường hợp chậm công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Các hoạt động công tác khác:

- Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

+ Việc thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.

+ Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV ngoài việc thực hiện đúng Luật Lao động còn có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật... được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty ngoài ra Công ty còn tổ chức tham quan học tập trong nước, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể

thao,..., nhằm giúp người lao động có tinh thần làm việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo.

- Các tổ chức chính trị xã hội: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên... đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động theo đúng luật định.

B. PHẦN 2 - BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| + Ông Lương Minh Triết | - Trưởng Ban kiểm soát |
| + Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên Ban kiểm soát |
| + Bà Trần Thị Huỳnh Mai | - Thành viên Ban kiểm soát |

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Lương Minh Triết	Trưởng Ban kiểm soát	06/06	100%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	06/06	100%
3	Bà Trần Thị Huỳnh Mai	Thành viên Ban kiểm soát	04/06 (*)	66,7%

Ghi chú: (*) trong năm 2020, Bà Trần Thị Huỳnh Mai -Thành viên Ban kiểm soát bị bệnh, nghỉ phép dài hạn.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÔ ĐÔNG:

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Giám sát việc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cập nhật thông tin định kỳ theo quy định của Điều lệ. Các giao dịch mua, bán cổ phiếu Công ty của các đối tượng trên đã được thực hiện đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Thông qua kết quả giám sát, Ban kiểm soát đã kịp thời đưa ra những tư vấn, đề xuất, kiến nghị với HĐQT, ban điều hành các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi, hoàn thiện quy định nội bộ nhằm hạn chế, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động..

III. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

- Các thành viên Ban kiểm soát cũng đã trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản năm 2020 cùng với đoàn kiểm kê của Công ty và đơn vị kiểm toán độc lập...

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự một số cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty...

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

IV. HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: từ đầu năm 2020, Ban kiểm soát đã lên kế hoạch kiểm tra thường xuyên mọi hoạt động của Công ty; giám sát việc thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán; giám sát việc thực hiện phương án điều chỉnh giá nước sạch năm 2020.

- Giám sát việc thực hiện phần mềm hóa đơn điện tử; giám sát việc thực hiện các phương thức thu tiền nước không dùng tiền mặt.

- Giám sát chặt chẽ các chương trình phát triển công nghệ thông tin nhằm tăng cường năng lực hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ khách hàng...

Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức. Trong năm, các thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn về chuyên ngành kế toán; các khóa huấn luyện các chuyên đề về quản lý tài chính, kế toán, chính sách thuế nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ, cập nhật kịp thời các qui định của Nhà nước.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể người lao động của Công ty CP Cấp Nước Vĩnh Long. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao.

1. Ông Lương Minh Triết- Trưởng Ban kiểm soát: Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát việc tuân thủ qui định về công bố thông tin của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty và phân chia cổ tức hàng năm. Soạn thảo, chỉnh sửa, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty. Kiểm soát hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Kiểm soát hiệu quả việc thực hiện thủ tục, quy trình các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư, công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế.

3. Bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát tính tuân thủ về pháp lý các văn bản của Công ty (Cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Kiểm soát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và việc tổ chức thực hiện Luật lao động trong Công ty. Kiểm soát việc thực hiện thu nộp tiền nước. Xem xét kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.

VI. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục giám sát việc hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đồng thời kiểm soát việc thực hiện các quy chế, quy trình quản lý này.

Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty.

Giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

C. PHẦN 3 - ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty. Thực hiện các công cụ quản lý; hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; xây dựng thang bảng lương theo phương pháp 3P, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động...

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

- Tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức về an toàn lao động và tăng cường công tác giám sát kiểm tra an toàn, phòng chống cháy nổ; thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, đảm bảo chất lượng nước máy, nước đóng chai theo tiêu chuẩn quy định...

- Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả; tiếp tục ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SCADA, GIS...); đẩy mạnh công tác thanh toán không dùng tiền mặt ...; tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ khách hàng; tích cực chống thất thoát, thất thu nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2020. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 hôm nay, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban kiểm soát.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: BKS, Thư ký HĐQT, TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lương Minh Triết

DỰ THẢO

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
, TỔNG GIÁM ĐỐC NHIỆM KỲ 2016 – 2020; TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM NHIỆM KỲ 2016 - 2020
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long và quy định tại Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính các năm trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 đã được kiểm toán độc lập và kết quả kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 của Công ty.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

A. PHẦN 1 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2016 – 2020

I- BÁO CÁO THẨM ĐỊNH VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY, VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh của HĐQT và Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2016 - 2020, báo cáo tài chính các năm trong nhiệm kỳ 2016 - 2020.

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ giao trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, thực hiện như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tăng trong Nhiệm kỳ 2016 - 2020	Tỷ lệ tăng trong Nhiệm kỳ 2016 – 2020 (%)
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m ³	9.102.850	212,67%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tăng trong Nhiệm kỳ 2016 - 2020	Tỷ lệ tăng trong Nhiệm kỳ 2016 – 2020 (%)
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	122.453	298,04%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	55.182	731,37%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	54.598	835,13%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	18,9	835,02%
6	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	%	9,0	1000%

(Chi tiết xem Phụ lục 1 đính kèm)

- Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, sản lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2020 là 17.182.407 m³, tăng 212,67% so với năm 2016; tổng hộ sử dụng nước tính đến ngày 31/12/2020 lên đến 74.750 hộ trong toàn đô thị trong Tỉnh (ngoại trừ Bình Minh, Bình Tân và Mang Thít), tăng thêm 16.449 hộ so với năm 2016. Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trong vùng phục vụ theo thỏa thuận trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2020 (cuối nhiệm kỳ) đạt 99,50% với mức cung cấp nước sạch bình quân là 105 lít/người/ngđ.

- Công ty luôn chú trọng công tác quản lý vận hành, kiểm soát chất lượng nước, chống thất thoát nước, tiết kiệm điện năng, vật tư sản xuất nước...

2. Thẩm định báo cáo tài chính:

a) Thẩm định báo cáo tài chính :

- Báo cáo tài chính các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

b) Tình hình tài chính của Công ty trong nhiệm kỳ 2016 - 2020:

CHỈ TIÊU	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2016
TỔNG TÀI SẢN	490.975.887.936	455.604.698.393	432.827.806.064	424.041.703.438	395.609.028.369
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	164.818.225.998	172.359.721.863	153.104.595.644	145.770.666.915	132.535.891.047
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	35.868.211.492	19.629.854.131	12.170.489.821	5.986.618.410	11.162.222.442
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	102.985.000.000	126.405.000.000	115.259.000.000	112.734.000.000	93.063.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	8.848.435.576	12.206.814.311	12.677.851.518	14.323.491.035	16.837.540.403
IV- Hàng tồn kho	14.562.226.738	13.318.895.484	11.461.196.666	12.324.904.319	10.754.497.287
V- Tài sản ngắn hạn khác	2.554.352.192	799.157.937	1.536.057.639	401.653.151	718.630.915

CHỈ TIÊU		31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2016
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	326.157.661.938	283.244.976.530	279.723.210.420	278.271.036.523	263.073.137.322
I-	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
II-	Tài sản cố định	265.675.314.693	233.280.433.642	233.873.559.846	238.814.799.184	243.554.850.802
III-	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
IV-	Tài sản dở dang dài hạn	21.341.483.412	26.669.547.859	29.173.746.256	19.008.699.270	2.676.406.947
V-	Đầu tư tài chính dài hạn	34.770.754.818	18.447.754.818	11.893.754.818	14.710.754.818	10.150.754.818
VI-	Tài sản dài hạn khác	4.370.109.015	4.847.240.211	4.782.149.500	5.736.783.251	6.691.124.755
	TỔNG NGUỒN VỐN	490.975.887.936	455.604.698.393	432.827.806.064	424.041.703.438	395.609.028.369
A-	NỢ PHẢI TRẢ	114.402.226.009	110.202.320.601	111.207.930.354	125.813.432.226	103.137.082.701
I-	Nợ ngắn hạn	44.633.283.448	39.308.266.090	39.943.390.544	52.415.323.276	33.738.482.753
II-	Nợ dài hạn	69.768.942.561	70.894.054.511	71.264.539.810	73.398.108.950	69.398.599.948
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU	376.573.661.927	345.402.377.792	321.619.875.710	298.228.271.212	292.471.945.668
I-	Vốn chủ sở hữu	375.925.290.958	344.833.739.823	321.051.237.741	297.659.633.243	291.903.307.699
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	289.000.000.000	289.000.000.000	289.000.000.000	289.000.000.000	289.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	18.597.370.008	12.394.910.374	9.776.713.390	8.194.113.090	371.365.878
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68.327.920.950	43.438.829.449	22.274.524.351	465.520.153	2.531.941.821
II-	Nguồn kinh phí và quỹ khác	648.370.969	568.637.969	568.637.969	568.637.969	568.637.969

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong nhiệm kỳ 2016 - 2020:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016
1- Cơ cấu tài sản						
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	66,43	62,17	64,63	65,62	66,50
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	33,57	37,83	35,37	34,38	33,50
2- Cơ cấu nguồn vốn						
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23,30	24,19	26,00	30,00	26,00
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	76,70	75,81	74,00	70,00	74,00
Nợ phải trả/Vốn CSH	%	30,38	31,91	34,58	42,19	35,26
3- Khả năng thanh toán						
Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,37	4,05	3,55	2,55	3,61
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tổng tài sản/Nợ ngắn hạn)	Lần	11,00	11,59	10,84	8,09	11,73
Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	4,29	4,13	3,89	3,37	3,84
4- Hiệu quả						
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	%	12,63	11,49	7,31	1,75	1,88
Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	36,85	32,71	22,61	12,01	12,01

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	16,47	15,19	9,84	2,49	2,54
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	21,46	18,12	10,95	2,57	2,57

- Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác SXKD, ĐTXD; đảm bảo có lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, trích lập các quỹ theo đúng quy định. Các chỉ số tài chính của Công ty trong nhiệm kỳ cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH bình quân trong nhiệm kỳ là 0,37 lần. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán hiện hành đều đảm bảo trên 1 lần.

- Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết và thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến trích lập dự phòng nợ phải thu thể hiện sự chủ động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả kinh doanh hàng năm.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, tổng số phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong nhiệm kỳ là 60.737 tỷ đồng.

3. Báo cáo giám sát đánh giá công tác quản lý của hội đồng quản trị, tổng giám đốc:

a) Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Tổng Giám đốc trong nhiệm kỳ 2016 - 2020:

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và đề ra các giải pháp thực hiện trong từng năm. Ban kiểm soát đã thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trong nhiệm kỳ 2016 - 2020.

b) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên các năm trong nhiệm kỳ 2016 - 2020:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 thông qua.

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm trong nhiệm kỳ 2016 - 2020. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với các Công ty kiểm toán độc lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm trong nhiệm kỳ để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính các năm trong nhiệm kỳ 2016 - 2020.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2016 – 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm trong nhiệm kỳ 2016 - 2020

thông qua (chi tiết thể hiện trong mục 4 Phần II - Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm kỳ 2016 – 2020 của Hội đồng quản trị).

Trong trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các Đơn vị trực thuộc, Phòng, Ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

c) Việc công bố thông tin với UBCKNN & Sở giao dịch chứng khoán:

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính và Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong trong nhiệm kỳ 2016 – 2020 Công ty không xảy ra trường hợp chậm công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

d) Các hoạt động công tác khác:

- Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

+ Việc thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.

+ Hàng năm, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV ngoài việc thực hiện đúng Luật Lao động còn có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật... được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty...

- Các tổ chức chính trị xã hội: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên... đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động theo đúng luật định.

II- BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long được tổ chức ngày 25/05/2016 (Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020), Chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông bầu là thành viên Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ gồm:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Lương Minh Triết	Trưởng BKS	Thạc sĩ Kế toán.
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, kiểm toán.

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
3	Trần Thị Huỳnh Mai	Thành viên BKS	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ 2016 - 2020:

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

(Chi tiết xem Phụ lục 2 đính kèm)

2. Hoạt động giám sát của ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông:

Trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, hàng năm Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cập nhật thông tin định kỳ theo quy định của Điều lệ. Các giao dịch mua, bán cổ phiếu Công ty của các đối tượng trên đã được thực hiện đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Thông qua kết quả giám sát, Ban kiểm soát đã kịp thời đưa ra những tư vấn, đề xuất, kiến nghị với HĐQT, BĐH các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi, hoàn thiện quy định nội bộ nhằm hạn chế, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động..

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị

Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty... Các thành viên Ban kiểm soát cũng đã trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản hàng năm cùng với đoàn kiểm kê của Công ty và đơn vị kiểm toán độc lập...

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao; trong nhiệm kỳ đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

4. Hoạt động khác của Ban kiểm soát:

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: trong nhiệm kỳ, từ đầu mỗi năm, Ban kiểm soát đã lên kế hoạch kiểm tra thường xuyên mọi hoạt động của Công ty; giám sát việc thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán; giám sát việc thực hiện phương án điều chỉnh giá nước sạch...

- Giám sát việc thực hiện phần mềm hóa đơn điện tử; giám sát việc thực hiện các phương thức thu tiền nước không dùng tiền mặt.

- Giám sát chặt chẽ các chương trình phát triển công nghệ thông tin nhằm tăng cường năng lực hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ khách hàng...

Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức. Trong năm, các thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn về chuyên ngành kế toán; các khóa huấn luyện các chuyên đề về quản lý tài chính, kế toán, chính sách thuế nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ, cập nhật kịp thời các qui định của Nhà nước.

5. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ 2016 - 2020:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể người lao động của Công ty CP Cấp Nước Vĩnh Long. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao.

1. Ông Lương Minh Triết- Trưởng Ban kiểm soát: Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát hiệu quả việc thực hiện thủ tục, quy trình các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư, công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế. Kiểm soát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty và phân chia cổ tức hàng năm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và việc tổ chức thực hiện Luật lao động trong Công ty. Kiểm soát hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát tính tuân thủ về pháp lý các văn bản của Công ty (Cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Kiểm soát việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện thu nộp tiền nước. Xem xét kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

B. PHẦN 2 - PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 - 2026:

Trong nhiệm kỳ 2021 – 2026, Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, cụ thể:

- Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Ban kiểm soát,

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình trước Đại hội.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: BKS, Thư ký HĐQT, TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lương Minh Triết

Phụ lục 1 - Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ Nhiệm kỳ 2016 - 2020

Chỉ tiêu	Sản lượng nước sạch tiêu thụ (m ³)	Tổng doanh thu và thu nhập khác (Triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ (%)	Tỷ suất cổ tức / Vốn cổ phần (%)
Năm 2016						
KH	7.386.000	55.793	9.246	7.397	2,56	1,61
TH	8.079.557	61.831	8.740	7.427	2,57	1
Tỷ lệ TH/KH	109,39%	110,82%	94,53%	100,41%	100,39%	62,11%
Năm 2017						
KH	14.300.000	116.879	25.450	22.204	7,68	5
TH	14.639.074	133.553	36.066	30.838	10,67	6
Tỷ lệ TH/KH	102,37%	114,27%	141,71%	138,88%	138,93%	120,00%
Năm 2018						
KH	15.200.000	133.900	28.765	25.275	8,75	5
TH	15.376.759	140.007	33.538	31.652	10,95	6
Tỷ lệ TH/KH	101,16%	104,56%	116,59%	125,23%	125,14%	120,00%
Năm 2019						
KH	16.000.000	159.840	38.533	36.752	12,72	6
TH	16.265.651	171.601	54.559	52.364	18,12	8
Tỷ lệ TH/KH	101,66%	107,36%	141,59%	142,48%	142,45%	133,33%
Năm 2020						
KH	16.680.000	175.653	56.613	54.402	18,82	8
TH	17.182.407	184.284	63.922	62.025	21,46	10
Tỷ lệ TH/KH	103,01%	104,91%	112,91%	114,01%	114,03%	125,00%

Phụ lục 2 - Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong Nhiệm kỳ 2016 - 2020

TT	Họ Tên	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %
1	Lương Minh Triết	03/03 (*)	100%	05/05	100%	06/06	100%	06/06	100%	06/06	100%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/03 (*)	100%	05/05	100%	06/06	100%	06/06	100%	06/06	100%
3	Trần Thị Huỳnh Mai	03/03 (*)	100%	05/05	100%	06/06	100%	04/06 (**)	66,70%	04/06 (***)	66,70%

Ghi chú: (*) DHDCĐ thành lập Công ty từ 25/05/2016, vì vậy số lần họp BKS trong năm 2016 ít hơn các năm khác trong nhiệm kỳ.

(**) trong năm 2019, Bà Trần Thị Huỳnh Mai -Thành viên Ban kiểm soát nghỉ thai sản.

(***) trong năm 2020, Bà Trần Thị Huỳnh Mai -Thành viên Ban kiểm soát bị bệnh, nghỉ phép dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /TT-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA VIETNAM như sau:

(Báo cáo kiểm toán năm 2020 kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 13 /TT-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

*Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ
và trả cổ tức năm 2020*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

- Lợi nhuận sau thuế TNDN các năm trước chưa phân phối: 22.248.773.150 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 62.024.596.338 đồng.

2. Trích quỹ đầu tư phát triển:

- Trích 10% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020:

$$62.024.596.338 \text{ đồng} \times 10\% = \mathbf{6.202.459.634 \text{ đồng}}$$

3. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động

- Kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua mức trích 25% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không quá 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

- Thực hiện năm 2020: Trích 15,18% lợi nhuận sau thuế năm 2020:

$$62.024.596.338 \text{ đồng} \times 15,18\% = \mathbf{9.414.188.904 \text{ đồng}}$$

Tỷ lệ 15,18% trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động được xác định theo Điều 18, Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước, cụ thể như sau:

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của người lao động: 31.558.358.550 đồng;

Tiền lương bình quân thực hiện 1 tháng của người lao động: 31.558.358.550 đồng/12 tháng = 2.629.863.212 đồng/tháng; lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2020 là 7.622.996.338 đồng

Trích 03 tháng lương bình quân thực hiện năm 2020: $2.629.863.212 \times 3 \text{ tháng} = 7.889.589.636$ đồng (a); Trích thêm tối đa 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch là $7.622.996.338 \times 20\% = 1.524.599.268$ đồng (b)

Tổng quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động năm 2020 (a)+(b)
 $7.889.589.636 + 1.524.599.268 = 9.414.188.904$ đồng, tương ứng 15,18% lợi nhuận sau thuế.

Căn cứ quỹ khen thưởng, phúc lợi được phép trích lập, công ty quyết định phân bổ 50% thành quỹ khen thưởng và 50% quỹ phúc lợi cho người lao động.

4. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty chuyên trách

- Kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua mức trích 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty.

- Thực hiện năm 2020: Trích 0,53% lợi nhuận sau thuế năm 2020:

$$62.024.596.338 \text{ đồng} \times 0,53\% = \mathbf{328.800.000 \text{ đồng}}$$

Tỷ lệ 0,53% trích quỹ khen thưởng của người quản lý chuyên trách được xác định theo Điều 18, Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước, cụ thể như sau:

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của người quản lý chuyên trách: 2.630.400.000 đồng;

Tiền lương bình quân thực hiện 1 tháng của người quản lý chuyên trách: $2.630.400.000 / 12 \text{ tháng} = 219.200.000$ đồng/tháng;

Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2020: $219.200.000 \text{ đồng/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = \mathbf{328.800.000 \text{ đồng}}$, tương ứng 0,53% lợi nhuận sau thuế.

5. Trả cổ tức

- Kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua tối thiểu 8%/ Vốn điều lệ.

- Thực hiện trả cổ tức năm 2020 là 10%/Vốn điều lệ : **28.900.000.000 đồng**

- Nguồn chi trả cổ tức năm 2020 từ lợi nhuận sau thuế năm 2020

- Hình thức chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

- Thời điểm chi trả trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020: 17.179.147.800 đồng chuyển sang năm tiếp theo cùng với lợi nhuận của các năm trước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



Số: 25 /TT-CNVL

TP.Vĩnh Long, ngày 29 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Kế hoạch năm 2021 (đồng)
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ (m ³)		18.100.000
2	Tổng doanh thu		192.175.000.000
3	Tổng chi phí		124.513.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN		67.662.000.000
5	Thuế TNDN		7.973.300.000
	+ Thuế TNDN được miễn, giảm		2.636.950.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đã miễn, giảm)		62.325.650.000
7	Nộp ngân sách nhà nước		17.386.300.000
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
8.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	10%	6.232.565.000
8.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	25%	15.581.412.500
8.3	Trích quỹ thưởng người quản lý (*)	1,5%	934.884.750
8.4	Trả cổ tức tối thiểu 8%/vốn điều lệ	37,10%	23.120.000.000
8.5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		16.456.787.750
9	Tổng lợi nhuận chưa phân phối		
	- Lợi nhuận thực hiện các năm trước chưa phân phối chuyển sang		39.427.920.950
	- Lợi nhuận kế hoạch năm nay còn lại sau khi trích quỹ		16.456.787.750
10	Đầu tư xây dựng cơ bản		364.805.586.000
	- Các dự án cấp nước (**)		339.150.000.000
	- Phát triển ống phân phối dịch vụ (22.000m)		4.600.000.000
	- Phát triển khách hàng (2.500 hộ)		5.044.657.000
	- Thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định (18.429 chiếc)		7.500.603.000
	- Thay thế duy trì đầu nối hộ khách hàng (2.000 điểm đầu nối)		3.221.726.000
	- Sửa chữa lớn tài sản cố định; bảo trì duy tu bảo dưỡng		5.288.600.000
11	Vốn điều lệ		289.000.000.000
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ		21,57%

(*) Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích tối đa theo tỷ lệ % trên, nhưng tổng số tiền trích quỹ không vượt quá quy định tại Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

(**) Các dự án cấp nước:

- Xây dựng cải tạo, nâng công suất cụm xử lý nhà máy nước Hưng Đạo Vương từ 18.000 m³/ngđ lên 24.000 m³/ngđ, vốn đầu tư 9 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Cải tạo trạm bơm cấp I, II - NMN Hưng Đạo Vương, vốn đầu tư 23 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Xây dựng cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Vũng Liêm từ 1.500 m³/ngđ lên 9.600 m³/ngđ, vốn đầu tư 65 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Xây dựng NMN Trường An 2 công suất 20.000 m³/ngđ, vốn đầu tư 125 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2023.
- Tuyển ống chuyển tải DN800 nhà máy nước Trường An 2 (đến đường Võ Văn Kiệt), vốn đầu tư 82,5 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2023.
- Khoan giếng bổ sung nguồn nước cấp cho khu vực TP Vĩnh Long, CS 2.880 m³/ng, vốn đầu tư 4 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Xây dựng công nghệ giếng khoan NMN Trường An, CS 2.880 m³/ng, vốn đầu tư 4 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Trạm biến áp 630 KVA, vốn đầu tư 1 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Thay thế tuyến ống thép D400 bằng ống HDPE D560 đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Nhà máy Hưng Đạo Vương đến đường 2-9, phường 1 Thành Phố Vĩnh Long, vốn đầu tư 18 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Trà Ôn từ 2.400 m³/ngđ lên 5.500 m³/ngđ, vốn đầu tư 13,2 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Xây dựng bể chứa nước sạch 2.000 m³ Trạm tăng áp Long Hồ, vốn đầu tư 7 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Xây dựng tuyến ống chuyển tải đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ tuyến tránh QL1 đến QL53), TP Vĩnh Long, vốn đầu tư 11 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022.
- Xây dựng tuyến ống chuyển tải đường Lộ Bờ kênh, Phường 3,4 Thành phố Vĩnh Long, vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, thời gian triển khai thực hiện năm 2021-2022

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

(Tờ trình này thay thế tờ trình số: 24 /TT-CNVL ngày 28/06/2021).

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



Số: **15**/TT-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Địa chỉ: Tầng 8 Cao ốc Văn Phòng VG Building số 235 Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Tel: 024 37832121; Fax: 024 37832122

(Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Số 201-203 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP Hồ Chí Minh)

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, P02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel : (84 - 28) 35472972; Fax: (84 -28) 35472970

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Địa chỉ đăng ký: số 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Tel: +84 (8) 3859 2285; Fax: +84 (8) 3859 2289

4. Công ty TNHH Kiểm toán Vaco

Địa chỉ: Lầu 11 tòa nhà HUD Buiding, 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Tel: 028 3840 6618; Fax: 028 3840 6616

5. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY

Địa chỉ: Lầu 5, 146 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP Hồ Chí Minh

Tel: 028 3820 4899; Fax: 028 3820 4909

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 trong số 05 đơn vị trên.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 16/TTr-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2021 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:	5.000.000 đồng/tháng
2. Thành viên Ban kiểm soát:	3.500.000 đồng/tháng
3. Người phụ trách quản trị công ty	4.000.000 đồng/tháng
4. Thư ký	4.000.000 đồng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 17/TTr-CNVL

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Điều lệ công ty sửa đổi lần 3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long được sửa đổi, bổ sung lần thứ 2 thông qua ngày 25/04/2019;

Từ ngày 01/01/2021 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành trong đó có một số nội dung điều chỉnh về tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần. Đồng thời Thông tư số 116/2020/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021 thay thế Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi lần 3 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

(Bảng Điều lệ sửa đổi kèm theo).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG TẤN CHIẾN

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

(Bản sửa đổi, bổ sung lần 3 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

ĐỊA CHỈ: 02-HÙNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI: 0270.3822583—0270.3827777
FAX: 0270.3829432
EMAIL: CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE: CAPNUOCVL.COM.VN

Tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
PHẦN MỞ ĐẦU	2
CHƯƠNG I	3
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	3
CHƯƠNG II	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	9
CHƯƠNG III	11
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	11
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	11
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	12
CHƯƠNG IV	13
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	13
Điều 7. Cổ phiếu, chứng nhận Cổ phiếu	13
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	14
Điều 9. Chào bán cổ phần	14
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 11. Mua lại cổ phần	15
Điều 12. Trả cổ tức	15
CHƯƠNG V	17
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	17
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty	17
CHƯƠNG VI	18

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
Điều 14. Quyền của cổ đông phổ thông	18
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	20
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 19. Thay đổi các quyền	25
Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	31
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	35
CHƯƠNG VII	36
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	37
Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị	40
Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị	42
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty	44
CHƯƠNG VIII	46
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	46
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý	46
Điều 35. Người điều hành Công ty	46

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	47
CHƯƠNG IX	50
BAN KIỂM SOÁT	50
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	50
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	51
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	51
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	52
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	53
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	53
CHƯƠNG X	54
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	54
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	54
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	55
CHƯƠNG XI	57
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	57
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	57
CHƯƠNG XII	58
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	58
Điều 46. Quyền của người lao động trong Công ty	58
Điều 47. Nghĩa vụ của người lao động	58
Điều 48. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty	58
CHƯƠNG XIII	60
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	60
Điều 49. Phân phối lợi nhuận	60
CHƯƠNG XIV	61
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	61
Điều 50. Tài khoản ngân hàng	61
Điều 51. Năm tài chính	61

Điều 52. Chế độ kế toán	61
CHƯƠNG XV	62
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	62
Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	62
Điều 54. Báo cáo thường niên	62
CHƯƠNG XVI	63
KIỂM TOÁN CÔNG TY	63
Điều 55. Kiểm toán	63
CHƯƠNG XVII	64
DẤU CỦA CÔNG TY	64
Điều 56. Dấu của Công ty	64
CHƯƠNG XVIII	65
GIẢI THẺ CÔNG TY	65
Điều 57. Kế thừa	65
Điều 58. Giải thể công ty	65
Điều 59. Gia hạn hoạt động	65
Điều 60. Thanh lý	65
CHƯƠNG XIX	67
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	67
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ	67
CHƯƠNG XX	68
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	68
Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	68
CHƯƠNG XXI	69
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	69
Điều 63. Tiếp nhận và công bố thông tin	69
CHƯƠNG XXII	70
NGÀY HIỆU LỰC	70
Điều 64. Ngày hiệu lực	70

CÁC TỪ VIẾT TẮT

- BKS: Ban kiểm soát.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- VWACO: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ngày 25 tháng 05 năm 2016. Sửa đổi, bổ sung lần 1 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2018; Sửa đổi, bổ sung lần 2 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2019. Sửa đổi, bổ sung lần 3 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Cổ đông chiến lược* là các cổ đông đã ký Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với Công ty;

b) *Cổ đông* là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

c) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

d) *Cổ phiếu* là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty.

e) *Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp* là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

f) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty;

g) *Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp* là cổng thông tin điện tử được sử dụng để đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử, công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp và truy cập thông tin về đăng ký doanh nghiệp.

h) *Công ty con* là các Công ty do Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long góp vốn với trên 50% vốn điều lệ;

i) *Công ty* là Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

j) *Luật Chứng khoán* là 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

k) *Luật Doanh nghiệp* là 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

l) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

m) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

n) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

o) *Người điều hành công ty* là bao gồm: Người đại diện pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác;

p) *Người quản lý công ty* là bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty do HĐQT bổ nhiệm;

q) *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

r) *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người đại diện pháp luật của Công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

s) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

t) *Việt Nam* là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

u) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ;

v) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG.**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VINH LONG WATER SUPPLY JOINTSTOCK COMPANY.**
- Tên Công ty viết tắt: **VWACO**

2. Hình thức hoạt động

Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và là Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này. Công ty có các đặc điểm chính sau đây:

- a) Thuộc sở hữu của các cổ đông có nắm giữ cổ phần của Công ty;
- b) Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- c) Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ;
- d) Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- e) Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, Hưng Đạo Vương, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Điện thoại: (0270) 3822583 - (0270) 3827777

- Fax: (0270) 3829432

- Email: capnuocvl@gmail.com

- Website: capnuocvl.com.vn

- Logo của công ty VWACO:



4. Xí nghiệp, Chi nhánh, nhà máy

4.1. Tên Xí nghiệp: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Xí nghiệp Xây lắp.

- Địa chỉ: Số 02, Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

- Điện thoại:

4.2. Tên Xí nghiệp: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Xí nghiệp sản xuất nước uống đóng chai Việt Úc

- Địa chỉ: Số 54, Đường Nguyễn Huệ, Phường 2, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

- Điện thoại: 0270.3816081

4.3. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Trà Ôn.

- Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, Xã Thiện Mỹ, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 02703.776288

4.4. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Tam Bình.

- Địa chỉ: Số 390/8, Khóm 4, Thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3713356

4.5. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Cái Ngang.

- Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 8 Xã Mỹ Lộc, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3717673

4.6. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Vũng Liêm.

- Địa chỉ: Ấp Trung Tín, Thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3970493

4.7. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Chi nhánh cấp nước Long Hồ.

- Địa chỉ: Khóm 5, Thị trấn Long Hồ, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3850598

4.8. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Nhà máy nước Hưng Đạo Vương.

- Địa chỉ: Số 02 Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3822583

4.9. Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long - Nhà máy nước Trường An.

- Địa chỉ: Số 519, Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

- Điện thoại: 0270.3910254

5. Công ty có thể thành lập đơn vị trực thuộc tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

2.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền điều hành cao nhất mọi hoạt động trong Công ty, có các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều này và Điều 31 Điều lệ này. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT, trước pháp luật trong việc thực hiện các dự án đầu tư theo phân cấp của HĐQT, điều hành hoạt động, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn và các khoản thu chi, là người sử dụng lao động của Công ty. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Sau khi đã ủy quyền, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

2.3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 2.2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi HĐQT, quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của

người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì HĐQT cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.5. Ngoài ra, người đại diện theo pháp luật của Công ty còn có trách nhiệm theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

2.6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch	3600 (chính)
02	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104
03	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4633
04	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng.	4290
05	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án cấp nước.	4220
06	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh các dự án cấp nước.	6810
07	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai.	4723
08	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.	7110

Khi cần thiết ĐHCĐ Công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty huy động và sử dụng hiệu quả tiền vốn và các nguồn lực khác nhằm mang lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và hoạt động ổn định, phát triển bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được ĐHĐCĐ thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty: **289.000.000.000 VND** (Hai trăm tám mươi chín tỷ đồng).
2. Tổng số cổ phần: Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **28.900.000** cổ phần với mệnh giá là mười ngàn Việt Nam đồng (10.000 VND/cổ phần).
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long nên không có cổ đông sáng lập.

Điều 7. Cổ phiếu, chứng nhận Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chào bán cổ phần

Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định tại theo quy định tại các Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp và Chương II Luật Chứng khoán.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác và trừ một số trường hợp hạn chế thời gian chuyển nhượng sau đây:

a) Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty không được chuyển nhượng số cổ phần mua thêm trong thời hạn cam kết tối thiểu 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

2. Cổ phiếu của Công ty được chuyển nhượng theo các quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp, Điều 31 Luật chứng khoán và quy định của thị trường chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mua lại cổ phần

Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 131, Điều 132, Điều 133 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 12. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt (đồng Việt Nam) hoặc bằng cổ phần của Công ty.

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Chương VI
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình... theo quy định tại khoản 3 Điều 141 – Luật Doanh nghiệp;

Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; nội dung, mục đích cần xem xét, tra cứu, trích lục, sao chụp hoặc sửa đổi thông tin;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm e khoản 1 Điều này;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm e khoản 1 Điều này;

b) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm e khoản 1 Điều này. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là (03 ngày) làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

e) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông

hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

4. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Ngoài các quyền nêu trên, cổ đông chiến lược còn có thêm các quyền hạn như quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa Công ty và Cổ đông chiến lược.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Cổ đông chiến lược còn có thêm các trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông chiến lược như quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa Công ty và cổ đông chiến lược.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của BKS;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Trình tự, thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
 - k) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. ĐHĐCĐ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;
 - f) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành với mỗi loại cổ phần.
Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- g) Số lượng thành viên HĐQT, BKS;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, BKS;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công;
- o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;
- s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

d) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp

được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, 22 và 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.

- HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này;

- HĐQT triệu tập họp bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 và tại điểm a khoản 4 Điều 16 Điều lệ này; Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ thì thực hiện theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có đầy đủ thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 141 – Luật Doanh nghiệp. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Điều lệ này và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Điều này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và

không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Trường hợp biểu quyết tại cuộc họp: nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ này hoặc khoản 1 Điều 38 Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BK thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết ĐHCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết ĐHCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua hoặc bằng cách đăng tải lên trang

thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc họp ĐHĐCĐ.

6. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

g) Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên

đời chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty có hiệu lực được quy định cụ thể tại Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 23 của Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ này, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ này. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người hoặc 07 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Cơ cấu HĐQT của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.
4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp và Điều 11 của Điều lệ này;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người đại diện vốn của Công ty tại Công ty khác và những người quản lý quan trọng khác do HĐQT bổ nhiệm như: Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản trị nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- o) Kiến nghị mức, thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của HĐQT;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 63 của Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được cung cấp thông tin được quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;

6. HĐQT thông qua các quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; mỗi thành viên HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết; thành viên HĐQT được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu trên 50% các thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận;

7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ này và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hiện hành, nghị quyết ĐHCĐ hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên HĐQT chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên HĐQT phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên HĐQT được trả theo quy định sau:

a) Thành viên HĐQT chuyên trách được trả tiền lương theo quy chế lương hiện hành của Công ty và không hưởng thù lao;

b) Thành viên HĐQT không chuyên trách được hưởng thù lao, tiền thưởng. Tổng mức thù lao, tiền thưởng cho HĐQT do HĐQT xây dựng và được ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;

3. Thù lao, tiền lương của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Công ty, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện pháp luật có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện phương án kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt và thông qua ĐHĐCĐ.

b) Có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty ký các báo cáo, các chứng từ, văn bản hợp đồng, ... của Công ty theo thẩm quyền được phân công.

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; phân công các thành viên HĐQT kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các hoạt động của Công ty;

d) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT;

e) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

f) Chỉ đạo lập báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và phải có trách nhiệm đảm bảo việc gửi báo cáo tài chính năm cho HĐQT, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

g) Phê duyệt các dự án đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp; phương án sử dụng lao động; quỹ tiền lương, thưởng của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và lợi ích khác đối với : Trưởng phó các phòng ban; Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh; Trưởng phó các văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc... theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

i) Có trách nhiệm thay mặt HĐQT ký các văn bản...thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua theo đúng quy định;

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

6. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Điều lệ này.

7. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; tham dự các cuộc họp theo yêu cầu của HĐQT và ghi chép các biên bản cuộc họp;
- b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;
- g) Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- h) Thù lao của Thư ký Công ty do HĐQT xây dựng và được ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của BKS;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập

họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 trở lên trên tổng số thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Hình thức họp HĐQT: HĐQT có thể họp, thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp, hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Trình tự, thủ tục họp HĐQT theo các hình thức: lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

14. Biên bản các cuộc họp HĐQT phải được thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 8 Điều 31 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và thành viên BKS;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Được hưởng thù lao như quy định tại điểm h khoản 8 Điều 31 Điều lệ này.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có: Người đại diện pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do chủ tịch HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ này phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm: Người đại diện pháp luật do Điều lệ này quy định; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Người điều hành Công ty được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Người điều hành Công ty áp dụng theo quy chế lương, quy chế thưởng hiện hành của Công ty.

4. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

5. Tiền lương, tiền thưởng, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; trường hợp thuê Tổng Giám đốc thì HĐQT phê duyệt và chủ tịch HĐQT ký hợp đồng thuê, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thi hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT theo nghĩa vụ và quyền hạn được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm, không được ủy quyền lại cho người khác.

4. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
b) Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty, thành viên BKS của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.

c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của Công ty;

d) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

e) Tuổi đời không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT và của Người đại diện pháp luật;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- c) Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- d) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua;
- e) Xây dựng và trình HĐQT phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức, các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và các quy chế quản trị nội bộ. Kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá, các quy định trong nội bộ của Công ty;
- f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc;
- g) Xây dựng và trình chủ tịch HĐQT phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động ngắn, trung, dài hạn;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quản lý tài sản của Công ty theo ủy quyền;
- j) Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để bảo đảm các quyền lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này như sau:
 - Trình HĐQT kế hoạch đầu tư và các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước.
 - Thực hiện phân công và ủy quyền các Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động sau khi có sự thống nhất ý kiến của chủ tịch HĐQT.
 - Thực hiện chế độ báo cáo cho HĐQT và BKS. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự mà HĐQT và BKS yêu cầu.
 - Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty.
 - Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

- Đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
- Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố, ... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT để giải quyết tiếp.
- Khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn thì Tổng Giám đốc không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của Công ty, kể cả cho người quản lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT và quy định của pháp luật.
- Trường hợp điều hành trái với các quy định của Điều lệ này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX
BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo khoản 1 Điều 38 Điều lệ này, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Thành viên BKS có thể bị miễn nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ nếu vi phạm các quy định về trách nhiệm của thành viên BKS tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp;
- d) Trường hợp BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét và miễn nhiệm BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các

chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS:

- a) Triệu tập cuộc họp BKS;
- b) Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
- c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
2. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
3. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
5. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.
6. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
7. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
8. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định sau:

2. Trưởng BKS được trả lương theo quy chế lương hiện hành của Công ty và không hưởng thù lao; Tiền thưởng của thành viên BKS chuyên trách được áp dụng theo quy chế thưởng hiện hành của Công ty.

- Thành viên BKS không chuyên trách được hưởng thù lao, tiền thưởng. Tổng mức thù lao, tiền thưởng cho BKS và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS do BKS xây dựng và được ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên;

3. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý trong ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.

4. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 46. Quyền của người lao động trong Công ty

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Người đại diện pháp luật thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 47. Nghĩa vụ của người lao động

1. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Công ty; Thoả ước lao động tập thể, chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của Công ty.

2. Người lao động phải học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao.

3. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 48. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Công ty hoạt động theo Cương lĩnh, Điều lệ và các Quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong Công ty gồm: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Khuyến học hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và theo Điều lệ của từng tổ chức.

3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia vào các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và hoạt động theo những quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng đề HĐQT thông qua Quy chế phối hợp giữa HĐQT với các tổ chức chính trị và chính trị xã hội tại Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định của pháp luật (trong đó Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp trích tối đa 30% lợi nhuận sau thuế).

2. Việc chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (dương lịch) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (dương lịch) cùng năm.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, phương pháp lập và lưu giữ sổ sách kế toán theo quy định của Luật kế toán Việt Nam và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XV

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Chương XVII
DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 56. Dấu của Công ty

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
2. HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. HĐQT, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII
GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Kế thừa

Công ty kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, ... được bàn giao từ Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước Vĩnh Long.

Điều 58. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Gia hạn hoạt động

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tán thành.

Điều 60. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 01 thành viên do HĐQT chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty

hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Mọi tranh chấp nội bộ trong Công ty được giải quyết trên nguyên tắc thương lượng hoặc hoà giải giữa các bên tranh chấp. Cụ thể:

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các Luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Điều lệ và HĐQT phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 63. Tiếp nhận và công bố thông tin

1. HĐQT, BKS phải thiết lập kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty. Tại văn phòng Công ty phải có hộp thư của HĐQT và hộp thư của BKS để tiếp nhận thông tin của cổ đông bất kỳ thời điểm nào các cổ đông cho là cần thiết phải có ý kiến với HĐQT, BKS.

2. Việc công bố thông tin của Công ty phải thực hiện theo nguyên tắc công bố thông tin quy định tại Điều 119 Luật Chứng khoán.

3. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại điểm a,c, đ và g khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

4. Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 110 Luật Doanh nghiệp, quy định tại khoản 2 Điều 120 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

5. Ngoài ra, Công ty còn phải công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

Chương XXII
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Chương, 64 Điều, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và thay thế cho Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 2 đã được ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày 25/04/2019.

2. Điều lệ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua.

3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 3 này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (VWACO).

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên HĐQT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Số: 18 /TTr-CNVL

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

*Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi
của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần 2 và giao cho HĐQT hoàn thiện, ký ban hành.

(Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi kèm theo)

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

(Bản sửa đổi, bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

ĐỊA CHỈ: 02-HÙNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI: 0270.3822583—0270.3827777
FAX: 0270.3829432
EMAIL: CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE: CAPNUOCVL.COM.VN

Tháng 06 năm 2021

MUC LUC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	2
Điều 3. Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 4. Hội đồng quản trị	15
Điều 5. Ban Kiểm soát	23
Điều 6. Tổng Giám đốc	24
Điều 7. Các hoạt động khác	26
Điều 8. Hiệu lực thi hành	27

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Ban Kiểm soát hoặc BKS*: là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

b) *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

c) *Công ty*: được hiểu là Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

d) *Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ*: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

e) *Điều lệ*: là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

f) *Hội đồng quản trị hoặc HĐQT*: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

g) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

h) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

i) *Người điều hành công ty* là bao gồm: người đại diện pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác;

j) *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

k) *Người quản lý công ty* là bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty do HĐQT bổ nhiệm.

l) *Quản trị công ty*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;

m) *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người đại diện pháp luật của Công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

n) *Tổng Giám đốc hoặc TGD*: là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty...

o) *Thư ký Công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 7 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1.1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông:

DHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến sự tồn tại và hoạt động của Công ty.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

DHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 17 Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
- k) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, BKS;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ được quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty. Cụ thể:

ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ Công ty; hay theo yêu cầu của BKS;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 - Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

2.5.1. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.5.2. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

2.5.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2.5.4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.5.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 20 – Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

2.6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp; Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty.

2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty.

2.8. Điều kiện tiến hành:

Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty; Cụ thể như sau:

a) Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 2.8 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 2.8 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ

ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d) Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.9.1. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng cách biểu quyết tại cuộc họp đối với các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ theo khoản 1 và 2 Điều 17 của Điều lệ Công ty.

2.9.1.1. Cách thức bỏ phiếu:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty và theo quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ.

2.9.1.2. Cách thức kiểm phiếu:

Thực hiện theo quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ.

2.9.1.3. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty; cụ thể như sau:

2.9.1.3.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 23 Điều lệ Công ty:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2.9.1.3.1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 23 Điều lệ Công ty .

2.9.1.3.2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty, điểm e khoản 2.2 Điều 4, khoản 4 Điều 5 Quy chế này và Quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ.

2.9.1.3.3. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2.9.1.3.4. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.9.1.4. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp và được ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ.

2.9.1.5. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

2.9.1.6. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

2.9.1.7. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc họp ĐHĐCĐ.

- Hiệu lực của Nghị quyết thực hiện theo quy định tại Điều 152 Luật Doanh nghiệp

- Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được

công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.9.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

- HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như quy định tại khoản 2.9.1 Điều này để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

- Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ Công ty.

2.9.2.1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

2.9.2.1.1. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.

2.9.2.1.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

2.9.2.2. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết

2.9.2.3. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

g) Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.9.2.4. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và

ngợi quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.9.2.5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.9.2.6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.9.3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp xảy ra:

- Các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước;
- Các sự kiện khách quan khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện hoặc không phù hợp để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức họp trực tiếp.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây (tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến).

2.9.3.1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cách thức thông báo mời họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện như quy định tại khoản 2.4 Điều này. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tuyến, người triệu tập họp ĐHĐCĐ có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các Cổ Đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

2.9.3.2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho cổ đông hoặc đăng tải trên trang

thông tin điện tử của Công ty. Theo đó, cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.

- Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi và chỉ khi đã kê khai và xác thực tư cách cổ đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của cổ đông là duy nhất và mỗi cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.

- Ban tổ chức cũng sẽ cung cấp cho các cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.

2.9.3.3. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự họp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại khoản 2.8 Điều này.

2.9.3.4. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của cổ đông/người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.

Cổ đông/Người được ủy quyền dự họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email hoặc số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của cổ đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

2.9.3.5. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

Ban tổ chức sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện theo quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ.

2.9.3.6. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

2.9.3.7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 2.9.1.6 Điều này.

2.9.3.8. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 2.9.1.7 Điều này.

2.9.4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Bên cạnh việc tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tiếp hoặc họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo cách thức như nêu tại Khoản 2.9.1 và Khoản 2.9.3 Điều này, tùy theo tình hình thực tế mà ĐHĐCĐ có thể tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến).

2.9.4.1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông có thể tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối Internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ cho các cổ đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các cổ đông.

Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:

- Đối với các cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại Khoản 2.7 Điều này.

- Đối với các cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như quy định tại Khoản 2.9.3.2 Điều này.

2.9.4.2. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp ĐHĐCĐ theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số cổ đông/người được ủy quyền dự họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Khoản 2.8 Điều này.

2.9.4.3. Cách thức bỏ phiếu:

Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức:

- Bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội;
- Gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax;

- Biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

2.9.4.4. Cách thức kiểm phiếu

Công ty sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ Đông.

- Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên:

- + Số lượng phiếu mà Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các cách thức điện tử khác;

- + Số phiếu mà Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu);

- + Số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp gửi qua bưu điện, thư điện tử và fax.

- Thực hiện theo quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ.

2.9.4.5. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

2.9.4.6. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 2.9.1.6 Điều này.

2.9.4.7. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 2.9.1.7 Điều này.

Điều 4. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

a) HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

b) Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp, điều 278 Nghị định 155/2020, khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định;

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

- Thành viên HĐQT còn có quyền được cung cấp thông tin quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

c) Trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định theo luật pháp hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

a) Nhiệm kỳ của HĐQT được quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty, cụ thể:

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Số lượng thành viên HĐQT được quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ Công ty là 05 người hoặc 07 người.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu thành viên HĐQT được quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty.

b) Cơ cấu HĐQT của Công ty bảo đảm sự cân đối giữa các thành viên HĐQT điều hành và không điều hành.

c) Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp.

d) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty .

- Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

e) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 2 Điều 28 - Điều lệ Công ty hoặc khoản 1 Điều 38 - Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

f) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 160 – Luật Doanh nghiệp.

g) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Trừ trường hợp quy định nêu trên tại điểm này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

h) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- + Trình độ chuyên môn;
- + Quá trình công tác;
- + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- + Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT được quy định cụ thể tại Điều 31 - Điều lệ Công ty.

b) Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Công ty, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

c) Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

d) Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật có quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 5 Điều 31 Điều lệ Công ty.

e) Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Điều lệ Công ty.

4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp và điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm:

- HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

+ Có đề nghị của BKS;

+ Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

+ Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.

- Các đề nghị theo quy định tại điểm này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

- Trường hợp tổ chức họp HĐQT trực tuyến, người triệu tập họp HĐQT có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các thành viên HĐQT/người được ủy quyền đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

- Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

- Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

e) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên HĐQT dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

f) Cách thức biểu quyết:

- Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

+ Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

+ Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm h khoản 5 Điều này;

+ Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Trường hợp này người triệu tập cuộc họp HĐQT sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các thành viên HĐQT/người được ủy quyền có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các cách thức

điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của thành viên HĐQT/người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được thông báo, hướng dẫn theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

+ Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp HĐQT phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

- Biên bản các cuộc họp HĐQT phải được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

j) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo

quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản Biên bản họp HĐQT có hiệu lực.

k) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Việc thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

6.1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

6.2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

- HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty.

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 6.1 Điều này;

- Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty, Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và khoản 7 Điều 31 Điều lệ Công ty.

6.3. Các trường hợp bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

- HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần Người phụ trách quản trị Công ty không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 6.5 Điều này.

6.4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 120 Luật Chứng khoán và khoản 4 Điều 63 Điều lệ Công ty.

6.5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

- Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- + Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- + Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- + Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- + Tham dự các cuộc họp;
- + Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- + Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
- + Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- + Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- + Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

a) BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty;

b) BKS có quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể tại Điều 170 và Điều 171 Luật Doanh nghiệp và Điều 40 Điều lệ Công ty;

- Ngoài ra, Trưởng BKS còn có quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 39 Điều lệ Công ty.

c) Trách nhiệm của thành viên BKS được quy định cụ thể tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp và Điều 43 và Điều 44 Điều lệ Công ty;

- Cuộc họp của BKS được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty, Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

- BKS còn có trách nhiệm báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Việc đề cử, ứng cử thành viên BKS theo quy định giống như bầu thành viên HĐQT tại điểm d khoản 2.2 Điều 4 Quy chế này.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

a) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải được thực hiện bằng hình thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định giống như bầu thành viên HĐQT tại điểm e khoản 2.2 Điều 4 Quy chế này.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên BKS được thực hiện theo quy định tại khoản 2.11.2 Điều 3 Quy chế này.

5. Trưởng Ban kiểm soát:

a) Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

b) Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

c) Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a) Thành viên BKS bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty.

b) Thành viên BKS bị bãi nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 120 Luật Chứng khoán và khoản 4 Điều 63 Điều lệ Công ty.

8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

a) TGD là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thi hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT theo nghĩa vụ và quyền hạn được giao.

b) TGD có những quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT và quy định của pháp luật.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế;

- Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

+ Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

+ Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Công ty, thành viên BKS của Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.

+ Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của Công ty;

+ Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

+ Tuổi đời không được quá tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật hiện hành

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

- HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm TGD; trường hợp thuê TGD thì HĐQT phê duyệt và chủ tịch HĐQT ký hợp đồng thuê, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác.

- Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Điều lệ Công ty.

e) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp, điểm g khoản 2 Điều 120 Luật Chứng khoán, điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC và Điều lệ Công ty.

f) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

Tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của TGD được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty, quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

- Được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc:

- Được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- TGD có quyền đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32 và điểm k khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

- TGD phải xin ý kiến HĐQT những vấn đề vượt quá thẩm quyền của TGD theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

- BKS có quyền đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

e) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

f) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người điều hành khác thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty được quy định tại Điều 43 và Điều 44 Điều lệ Công ty.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác: căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế khen thưởng - kỷ luật của Công ty.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long gồm 08 điều, được HĐQT Công ty xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Cổ đông Công ty, các thành viên HĐQT, BKS, TGD Công ty và tất cả các cán bộ quản lý trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này; BKS kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế này trong Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Số: 19/TT-CNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long và giao cho HĐQT hoàn thiện, ký ban hành.

(Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kèm theo)

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

ĐỊA CHỈ: 02-HÙNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI: 0270.3822583—0270.3827777
FAX: 0270.3829432
EMAIL: CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE: CAPNUOCVL.COM.VN

Tháng 06 năm 2021

MUC LUC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Chương II.....	4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Chương III.....	10
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	12
Chương IV.....	14
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	16
Chương V.....	17
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	17
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	17
Chương VI.....	18
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Điều 19. Mối quan hệ với ban điều hành.....	18
Điều 20. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	18

Chương VII	19
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	19
Điều 21. Hiệu lực thi hành	19

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Ban Kiểm soát hoặc BKS*: là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

b) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

c) *Công ty*: được hiểu là Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

d) *Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ*: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

e) *Điều lệ*: là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

f) *Hội đồng quản trị hoặc HĐQT*: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

g) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

h) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

i) *Người điều hành công ty* là bao gồm: người đại diện pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác;

j) *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

k) *Người quản lý công ty* là bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty do HĐQT bổ nhiệm.

l) *Quản trị công ty*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;

m) *Tổng Giám đốc hoặc TGD*: là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty...

n) *Thư ký Công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 7 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho TGD tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT được quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ Công ty là 05 người hoặc 07 người.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT được quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ Công ty, cụ thể: nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác;
4. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Công ty, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo đúng pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo toàn và phát triển vốn, tổ chức thực hiện phương án kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt và thông qua ĐHĐCĐ.

b) Có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty ký các báo cáo, các chứng từ, văn bản hợp đồng, ... của Công ty theo thẩm quyền được phân công.

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; phân công các thành viên HĐQT kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các hoạt động của Công ty;

d) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT;

e) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

f) Chỉ đạo lập báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và phải có trách nhiệm đảm bảo việc gửi báo cáo tài chính năm cho HĐQT, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

g) Phê duyệt các dự án đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp; phương án sử dụng lao động; quỹ tiền lương, thưởng của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và lợi ích khác đối với : Trưởng phó các phòng ban; Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh; Trưởng phó các văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc... theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

i) Có trách nhiệm thay mặt HĐQT ký các văn bản...thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua theo đúng quy định;

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Điều lệ này.

7. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; tham dự các cuộc họp theo yêu cầu của HĐQT và ghi chép các biên bản cuộc họp;
- b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;
- g) Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- h) Thù lao của Thư ký Công ty do HĐQT xây dựng và được ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của BKS;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của BKS;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

Trường hợp tổ chức họp HĐQT trực tuyến, người triệu tập họp HĐQT có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các thành viên HĐQT/người được ủy quyền đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

8. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

9. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

11. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Trường hợp này người triệu tập cuộc họp HĐQT sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các thành viên HĐQT/người được ủy quyền có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của thành viên HĐQT/người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được thông báo, hướng dẫn theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều này.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của BKS.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

4. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty và khoản 4 Điều 4 của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 19. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long bao gồm 07 chương, 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỜ TRÌNH

*Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long và giao cho Ban kiểm soát hoàn thiện, ký ban hành.

(Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát kèm theo)

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

ĐỊA CHỈ: 02-HÙNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI: 0270.3822583—0270.3827777
FAX: 0270.3829432
EMAIL: CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE: CAPNUOCVL.COM.VN

Tháng 06 năm 2021

MUC LUC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
Chương II.....	4
THÀNH VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	7
Chương III.....	8
BAN KIỂM SOÁT.....	8
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	10
Chương IV.....	12
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	12
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	12
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	12
Chương V.....	13
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	13
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	13
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	13
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI.....	15
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	15
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	15

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	15
Chương VII	16
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	16
Điều 22. Hiệu lực thi hành	16

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Ban Kiểm soát hoặc BKS*: là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

b) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

c) *Công ty*: được hiểu là Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

d) *Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCĐ*: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

e) *Điều lệ*: là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

f) *Hội đồng quản trị hoặc HĐQT*: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

g) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.

h) *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

i) *Người điều hành công ty* là bao gồm: người đại diện pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác;

j) *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

k) *Người quản lý công ty* là bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty do HĐQT bổ nhiệm.

l) *Quản trị công ty*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;

m) *Tổng Giám đốc hoặc TGD*: là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty...

n) *Thư ký Công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 7 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Chương II

THÀNH VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. BKS có 03 thành viên được quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên BKS không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào BKS. Việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGD vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.
23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

24. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- c) Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện.

2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.
4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành khác trong Công ty.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên BKS của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành Công ty.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Số: 24/TTr-CNVL

Vĩnh Long, ngày 9 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

*Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS Công ty nhiệm kỳ 2016-2020
và tiến hành bầu lại thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Trần Ngọc Thành Nhơn;
- Căn cứ nhiệm kỳ năm 2016-2020 của thành viên HĐQT và BKS đã kết thúc.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long. Đồng thời tiến hành bầu các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, như sau:

1. Thành viên HĐQT kết thúc nhiệm kỳ 2016-2020, gồm các Ông/bà:

- Ông Đặng Tấn Chiến
- Ông Nguyễn Tấn Phát
- Ông Huỳnh Văn Nhân
- Bà Bùi Thiện Ngọc Minh
- Bà Lê Thị Quyên
- Ông Đặng Thanh Bình
- Ông Trần Ngọc Thành Nhơn (Thành viên HĐQT có đơn từ nhiệm từ ngày 01/01/2021)

2. Thành viên BKS kết thúc nhiệm kỳ 2016-2020, gồm các Ông/bà:

- Ông Lương Minh Triết
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
- Bà Trần Thị Huỳnh Mai

3. Thông qua việc tiến hành bầu các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN 2021 - NHIỆM KỲ 2021 – 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long tại Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHĐCD) thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026, đảm bảo được thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp ĐHĐCD thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026.

3. Quy chế này quy định và điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (viết tắt là HĐQT), Ban kiểm soát (viết tắt là BKS).

4. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu, thành viên Ban kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp ĐHĐCĐ đều nhận một phiếu bầu cử thành viên HĐQT và một phiếu bầu cử thành viên BKS, trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông ;

- Cổ đông, đại diện cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông . Khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu;

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị

1. Số lượng, nhiệm kỳ

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người.
- Nhiệm kỳ: 05 năm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

3. Đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

+ Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

+ Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

- Người được đề cử, ứng cử phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn nêu trên, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 4. Đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát:

1. Số lượng, nhiệm kỳ

- Số lượng thành viên BKS: 03 người.
- Nhiệm kỳ: 05 năm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

+ Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

+ Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

- Người được đề cử, ứng cử phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn nêu trên, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website: capnuocvl.com.vn;

- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần (tại thời điểm gửi hồ sơ đề cử/ứng cử) của cá nhân/tổ chức hoặc nhóm đề cử, ứng cử vào các chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp cổ phần của cổ đông chưa lưu ký tại Công ty chứng khoán thì thay thế bằng sổ chứng nhận cổ phần bản sao có công chứng.

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website: capnuocvl.com.vn;

- Bản sao chứng thực CMND (*CCCD hoặc hộ chiếu*); các văn bằng chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (*01 bản sao có công chứng*).

Điều 6. Thông tin gửi hồ sơ

Hồ sơ đề cử, ứng cử xin gửi về Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trước 16 giờ ngày 19/06/2021 theo địa chỉ:

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 – NHIỆM KỲ 2021 – 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Địa chỉ: 02 Hưng Đạo Vương - Phường 1-Thành phố Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại: 0270.3822583 – 0270.3827777 (Ext: 130) – Fax : 0270.3829432 hoặc 091.3672717 gặp Ông Lê Văn Thắng.

Email: capnuocvl@gmail.com

Điều 7. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông hoặc cá nhân đại diện cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và sẽ thông qua danh sách tại Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS

Điều 8. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành (*phiếu màu HỒNG bầu Hội đồng quản trị và phiếu màu XANH bầu Ban kiểm soát*)

- Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; Tên cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền; Tổng số phiếu biểu quyết;

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và phiếu bầu Ban kiểm soát theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

2. Ghi phiếu bầu.

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

- Cổ đông không bỏ phiếu bầu cho ứng cử viên nào thì phải đánh dấu gạch chéo (x) vào ô số phiếu được bầu của ứng cử viên đó trong danh sách bầu cử.

- Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

3. Trường hợp phiếu bầu không hợp lệ.

- Phiếu không do Ban tổ chức phát hành; không theo mẫu quy định của Công ty; không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*);

- Phiếu gạch bỏ hết tên các ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền không ký xác nhận trên phiếu bầu;

- Phiếu trống.

Điều 9. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện phiếu kín theo phương thức **bầu đôn phiếu** theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (*bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện*) x (nhân) với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu (05) hoặc số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu (03). Cổ đông có thể sử dụng số cổ phần có quyền biểu quyết của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Nguyên tắc bầu cử được quy định cụ thể tại phụ lục hướng dẫn ghi Phiếu bầu HĐQT, BKS ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Ban bầu cử và kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban bầu cử và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu gồm 05 người do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu; phổ biến quy chế bầu cử; thông qua danh sách ứng viên bầu HĐQT và BKS; hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu; công bố kết quả bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Việc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát được căn cứ theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

- Ứng cử viên trúng cử vào HĐQT là 05 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất.

- Ứng cử viên trúng cử vào BKS là 03 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu ;

- Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp; số và tỉ lệ phiếu hợp lệ; phiếu không hợp lệ; số cổ phần biểu quyết và tỉ lệ cổ phần có quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT, BKS; Danh sách thành viên HĐQT, BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp ;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .

Điều 13. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Đoàn chủ tịch Đại hội đồng cổ đông giải quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quy chế này gồm 03 chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ban hành, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sau khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự đại hội tán thành.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 – Nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Công ty Cổ phần cấp nước Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021 –
Nhiệm kỳ 2021 – 2026;
- Ban kiểm phiếu, Ban thư ký;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

ĐẶNG TẤN CHIẾN

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2021-2026
THEO PHƯƠNG THỨC BẦU ĐÒN PHIẾU
(Ban hành kèm theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử HĐQT, BKS
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 - Nhiệm kỳ 2021 – 2026
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long)

1. Loại phiếu bầu cử:

- + Phiếu màu HỒNG: Bầu thành viên Hội đồng quản trị
- + Phiếu màu XANH: Bầu thành viên Ban kiểm soát

2. Ghi phiếu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) x (nhân) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị x (nhân) với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên phiếu bầu cử.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử theo phương thức bầu dồn phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ 1: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 05 thành viên bầu vào Hội đồng quản trị. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

1.000 x 5 = 5.000 Phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn 5.000 phiếu này theo 01 trong 04 phương thức sau:

* **Phương thức 1:** Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều mỗi ứng cử viên 1.000 phiếu bầu trong tổng số 5.000 phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên vào Hội đồng quản trị.

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	1.000
2. Ứng cử viên 2	1.000
3. Ứng cử viên 3	1.000
4. Ứng cử viên 4	1.000
5. Ứng cử viên 5	1.000
Tổng số phiếu bầu	5.000

* **Phương thức 2:** Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 ứng cử viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	x
2. Ứng cử viên 2	5.000
3. Ứng cử viên 3	x
4. Ứng cử viên 4	x
5. Ứng cử viên 5	x
Tổng số phiếu bầu	5.000

* **Phương thức 3:** Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 05 ứng cử viên nhưng không đều nhau.

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	1.000
2. Ứng cử viên 2	500
3. Ứng cử viên 3	800
4. Ứng cử viên 4	1.500
5. Ứng cử viên 5	1.200
Tổng số phiếu bầu	5.000

* **Phương thức 4:** Cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	1.000
2. Ứng cử viên 2	1.000
3. Ứng cử viên 3	x
4. Ứng cử viên 4	500
5. Ứng cử viên 5	500
Tổng số phiếu bầu	3.000

Ví dụ 2: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 03 thành viên bầu vào Ban kiểm soát. Quý cổ đông Nguyễn Văn B nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 2.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của Cổ đông Nguyễn Văn B là

2.000 x 3 = 6.000 Phiếu để bầu thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông Nguyễn Văn B có thể bầu dồn phiếu theo các phương thức như bầu Hội đồng quản trị nêu trên.

3. Bỏ phiếu

Cổ đông bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

*** Ghi chú: Phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không phải do Ban tổ chức ĐHĐCĐ phát hành, không có dấu của Công ty;
- Phiếu bầu cử gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu;
- Các trường hợp khác quy định tại quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021 -2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Căn cứ quy mô tổ chức, tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

1. Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 thành viên
- Nhiệm kỳ: 05 năm (2021-2026)
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa: Không hạn chế

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử nhiệm kỳ 2021-2026 của công ty.

2. Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên BKS: 03 thành viên
- Nhiệm kỳ: 05 năm (2021-2026)
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa: Không hạn chế

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử nhiệm kỳ 2021-2026 của công ty

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua danh sách ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ đơn đề cử, ứng cử của cổ đông, nhóm cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 04/06/2021 của Trung tâm lưu ký TP HCM. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện tham gia ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng viên đủ điều kiện ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

I. Nhân sự ứng viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026

1. Ông: Đặng Tấn Chiến
2. Ông: Nguyễn Tấn Phát
3. Bà: Lê Thị Quyên
4. Ông: Đặng Thanh Bình
5. Ông: Nguyễn Trường Ảnh

(Đơn đề cử, ứng cử và sơ yếu lý lịch từng thành viên đính kèm)

II. Nhân sự ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026

1. Bà: Bùi Thiện Ngọc Minh
2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung
3. Bà: Nguyễn Thị Thu Hà

(Đơn đề cử, ứng cử và sơ yếu lý lịch từng thành viên đính kèm)

Trân trọng kính trình

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

- Tên cá nhân: **ĐẶNG TẤN CHIẾN**; Sinh ngày 12/10/1965
- Mã số cổ đông: 0001
- CCCD: 083065000430, cấp ngày: 25/03/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH - Bộ Công An.
- Địa chỉ: 59/1 Đường Phạm Thái Bường, Phường 4, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số cổ phần sở hữu: 186.800 cổ phần.
- Số cổ phần được UBND tỉnh Vĩnh Long cử đại diện sở hữu: 11.791.200 cổ phần
- Tổng số cổ phần: 11.978.000 cổ phần, chiếm 41,45% tổng số 28.900.000 cổ phần có quyền biểu quyết do Công ty phát hành.

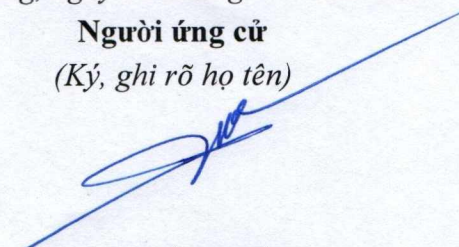
Sau khi nghiên cứu quy định của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty, đối chiếu với các tiêu chuẩn và quyền tự ứng cử, tôi xin tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Tôi xin cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026 vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Nếu được quý cổ đông tín nhiệm bầu thành viên HĐQT, tôi xin đem hết năng lực và tâm quyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Xin trân trọng./.

Vĩnh Long, ngày 09 .tháng 06 năm 2021

Người ứng cử
(Ký, ghi rõ họ tên)


Đặng Tấn Chiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

- Họ và tên: **ĐẶNG TẤN CHIẾN**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 12/10/1965
- Nơi sinh: Xã Nhuận Phú Tân – Huyện Mỏ Cày – Tỉnh Bến Tre
- Quê quán: Xã Nhuận Phú Tân - Huyện Mỏ Cày - Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CCCD/Hộ chiếu: 083065000430 - Cấp ngày: 25/03/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH – Bộ Công An
- Địa chỉ thường trú: 59/1 Đường Phạm Thái Bường – Phường 4 – Thành phố Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long.
- Số điện thoại liên lạc: 0916804444
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí; Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
10/1990 đến 12/1990	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Cơ Khí Xây Dựng Cửu Long
01/1991 đến 05/1995	Cán bộ Kỹ thuật Công ty Công Trình Đô Thị Vĩnh Long
06/1995 đến 02/2008	Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cấp Nước Vĩnh Long
03/2008 đến 09/2010	Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công ty TNHH Một Thành viên Cấp Nước Vĩnh Long
10/2010 đến 09/2012	Phó giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Cấp Nước Vĩnh Long
10/2012 đến 05/2016	Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Cấp Nước Vĩnh Long

06/2016 Đến nay

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

- Chức vụ hiện nay tại VWACO : Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 11.978.000 cổ phần, chiếm 41,45% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 11.791.200 cổ phần, chiếm 40,8% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 186.800 cổ phần, chiếm 0,65% vốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần.

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CMND	NGÀY CẤP	NOI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của VWACO :
 - + Tham gia điều hành hoạt động của công ty có hiệu quả, bảo toàn, phát triển nguồn vốn, tài sản, tuân thủ đúng điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.
 - + Xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty đúng mục tiêu. Giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động cao nhất.
 - + Chương trình hành động: Bản thân sống và làm việc theo qui định của tổ chức, của pháp luật; đặc biệt quan tâm kiểm soát thất thoát thất thu nước cung cấp, kiểm soát tiết kiệm chi phí trong quản lý, cẩn trọng, trung thực và minh bạch trong mọi quyết định liên quan đến lợi ích của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của các cổ đông.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI KHAI


ĐẶNG TẤN CHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

- Tên cá nhân: **NGUYỄN TẤN PHÁT**; Sinh ngày 03/03/1963
- Mã số cổ đông: 0002
- CCCD: 079063013451, cấp ngày: 25/03/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH - Bộ Công An.
- Địa chỉ: 54/A6 Đường Nguyễn Huệ, Phường 2, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số cổ phần sở hữu: 57.400 cổ phần.
- Số cổ phần được UBND tỉnh Vĩnh Long cử đại diện sở hữu: 2.947.800 cổ phần
- Tổng số cổ phần: 3.005.200 cổ phần, chiếm 10,40% tổng số 28.900.000 cổ phần có quyền biểu quyết do Công ty phát hành.

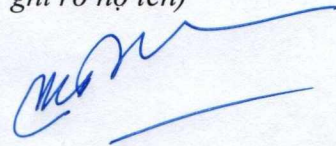
Sau khi nghiên cứu quy định của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty, đối chiếu với các tiêu chuẩn và quyền tự ứng cử, tôi xin tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Tôi xin cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026 vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Nếu được quý cổ đông tín nhiệm bầu thành viên HĐQT, tôi xin đem hết năng lực và tâm quyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Xin trân trọng./.

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

Người ứng cử
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tấn Phát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

- Họ và tên: **NGUYỄN TẤN PHÁT**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/03/1963
- Nơi sinh: Xã Thông Tây Hội – Huyện Gò Vấp – Tỉnh Gia Định (nay là Phường 11 – Quận Gò Vấp - TP Hồ Chí Minh)
- Quê quán: Xã Long An – Huyện Cần Giuộc – Tỉnh Long An
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- CCCD/Hộ chiếu: 079063013451 - Cấp ngày: 25/03/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH – Bộ Công An
- Địa chỉ thường trú: 54/A6 Đường Nguyễn Huệ - Phường 2 – Thành phố Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long.
- Số điện thoại liên lạc: 0913889025
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán, Kỹ sư Đô Thị
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
10/1981 đến 02/1994	Nhân viên kế toán Công ty Công trình Đô Thị Vĩnh Long
03/1994 đến 05/1995	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Công trình Đô Thị Vĩnh Long
06/1995 đến 07/2004	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Cấp Nước Vĩnh Long
08/2004 đến 02/2008	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Cấp Nước Vĩnh Long
03/2008 đến 12/2012	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
01/2013 đến 05/2016	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
06/2016 đến nay	Thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

- Chức vụ hiện nay tại VWACO: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Cửu Long (MEWACO); Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước và Môi Trường Măng Thít.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.005.200 cổ phần, chiếm 10,399 % vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu 2.947.800 cổ phần, chiếm 10,2 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 57.400 cổ phần, chiếm 0,199 % vốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần.

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CCCD	NGÀY CẤP	NOI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU
1	con	Nguyễn Tấn Đạt	086089000389	25/03/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH – Bộ Công An	2.500
2	dâu	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	084189000569	25/03/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH – Bộ Công An	200

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của VWACO:

Nếu được bầu vào Hội đồng quản trị tôi sẽ cùng với các thành viên Hội đồng quản trị khác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty cổ phần theo đúng điều lệ đã thông qua Đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông tất cả vì mục tiêu phát triển công ty và lợi ích của các cổ đông.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI KHAI


Nguyễn Tấn Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Hôm nay, ngày 09/06/2021, Chúng tôi là cổ đông UBND tỉnh Vĩnh Long sở hữu 14.739.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51% tổng số 28.900.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Số CMND/ Hộ chiếu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / Tổng số cổ phần	Ký tên
1	Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Vĩnh Long	Quyết định số: 1392/QĐ - UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long	14.739.000	51%	
	Tổng cộng		14.739.000	51%	

Thông nhất đề cử người có tên dưới đây tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026:

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CCCD	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
1	Lê Thị Quyến	086176000605	Thạc sĩ	Thạc sĩ Luật	15.300

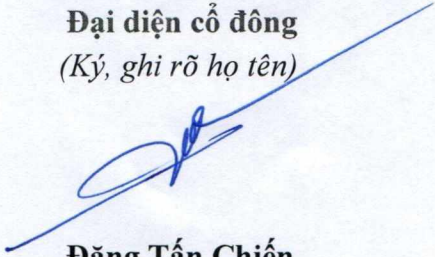
Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

Đại diện cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)


Đặng Tấn Chiến



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

- Họ và tên: **LÊ THỊ QUYẾN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 12/04/1976
- Nơi sinh: Xã Chánh An – Huyện Mang Thít – Tỉnh Vĩnh Long
- Quê quán: Xã Chánh An – Huyện Mang Thít – Tỉnh Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- CCCD/Hộ chiếu: 086176000605 - Cấp ngày: 25/03/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH – Bộ Công An
- Địa chỉ thường trú: 351/20 Ấp Long Thuận A - Xã Long Phước - Huyện Long Hồ - Tỉnh Vĩnh Long.
- Số điện thoại liên lạc: 0989672762
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
11/2001 đến 10/2002	Giảng viên Trường Chính Trị Phạm Hùng Vĩnh Long
11/2002 đến 02/2008	Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Cấp Nước Vĩnh Long
03/2008 đến 09/2012	Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
10/2012 đến 05/2016	Phó trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long

06/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Chủ tịch công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long
-----------------	--

- Chức vụ hiện nay tại VWACO : Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính công ty, Chủ tịch CĐCS công ty..
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 15.300 cổ phần, chiếm 0,053 % vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 15.300 cổ phần, chiếm 0,053 % vốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần.

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CMND	NGÀY CẤP	NOI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU


- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của VWACO :

Với vị trí công tác hiện nay, nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của VWACO, tôi cam kết sẽ thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của thành viên hội đồng quản trị và thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ được phân công, phụ trách. Cùng với các thành viên Hội đồng quản trị tham gia quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng quy định của điều lệ, thực hiện tốt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông với mục tiêu phát triển công ty ngày một lớn mạnh và vì lợi ích của các cổ đông.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI KHAI


Lê Thu Quyên²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO ĐỀ CỬ

ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Hôm nay, ngày 05/05/2021, chúng tôi là cổ đông sở hữu 9.725.962 cổ phần, chiếm tỷ lệ 33,65 % tổng số 28.900.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / Tổng số cổ phần	Ký tên
01	Công ty Cổ phần đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	0400578412	9.725.962	33,65 %	
	Tổng cộng		9.725.962	33,65 %	

Thống nhất đề cử người có tên dưới đây tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026:

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
01	Đặng Thanh Bình	200800437	Đại học	Cử nhân Luật	
02	Nguyễn Trường Ảnh	200009723	Đại học	Kỹ sư Cấp thoát nước	

Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 vào ngày diễn ra Đại hội cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 05 năm 2021

ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG



Đặng Thanh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long)

- Họ và tên: **ĐẶNG THANH BÌNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1963
- Nơi sinh: Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
- Quê quán: Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND/Hộ chiếu: 200800437 - Cấp ngày: 19/4/2012
- Nơi cấp: Công An thành phố Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 99 Núi Thành, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: 0913 404 319
- Giáo dục phổ thông: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông Nghiệp, Cử nhân Luật
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.

Tên văn bằng	chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Bằng tốt nghiệp đại học	Kỹ sư Nông nghiệp		4 năm	Trường Đại học Nông nghiệp Huế
Bằng tốt nghiệp đại học	Luật học		4 năm	Trường Đại học Luật Hà Nội
Cao cấp lý luận chính trị	Chính trị		2 năm	Học Viện chính trị khu vực 3 Đà Nẵng

- Quá trình công tác: Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua

Từ năm đến năm	Đơn vị Công tác	Chức vụ
1987 -1991	HTX nông nghiệp II Đại Nghĩa- Đại Lộc- Quảng Nam Ban Tuyên Huấn Xã Đại Nghĩa	Chủ nhiệm HTX Trưởng Ban Tuyên huấn Xã
1991- 1994	Hợp tác xã sản xuất kinh doanh và dịch vụ tổng hợp xã Đại Nghĩa- Đại Lộc- Quảng Nam	Chủ nhiệm HTX
1994 -1996	UBND xã Đại Nghĩa- Đại Lộc- Quảng Nam	Chủ tịch Ủy ban Xã
1996-1999	BQL các Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Đại Lộc- Quảng Nam	Phó trưởng ban
1999 -2000	Phòng Kế hoạch đầu tư Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Quảng Nam	Trưởng phòng
2000-2006	Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu CN Đà Nẵng	Giám đốc Công ty
2006 - 2016	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng Công ty Cổ phần Cửa nhựa cao cấp Đà Nẵng- Miền Trung Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông Đà Nẵng Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng- Miền Trung	Chủ tịch HĐQT các Công ty
Từ ngày 01/11/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng- Miền Trung. Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng Thủy Điện A Vương	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại VWACO :

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.
- Số cổ phần nắm giữ: **9.725.962** cổ phần, chiếm **33,65 %** vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện tổ chức: **9.725.962** cổ phần, chiếm **33,65 %** vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu:cổ phần, chiếmvốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần:

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CMND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU
1						

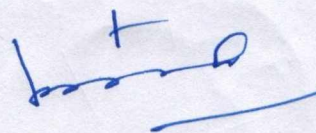
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của VWACO: Nếu được bầu vào Hội đồng quản trị, tôi xin hứa sẽ cùng với Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty nỗ lực hết mình để đưa Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long phát triển thịnh vượng.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 5 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẶNG THANH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026**

- Họ và tên: **NGUYỄN TRƯỜNG ẢNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1960
- Nơi sinh: Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Quê quán: Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 200009723 - Cấp ngày: 27/05/2014
- Nơi cấp: Công an Thành phố Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 57 Cao Thắng, Ph. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: 0903 502 339
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước
- Quá trình công tác:



THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
1966 - 1978	Đi học và tốt nghiệp PTTH tại Đà Nẵng
1978 - 1979	Thi đỗ Đại học Bách khoa Đà Nẵng, được chọn đi học ngoại ngữ (Tiếng Nga) tại Thành phố Hồ Chí Minh, chuẩn bị đi du học ở Liên Xô
1979 - 1984	Học tại trường Đại học Kỹ thuật Xây dựng Leningrad (Liên Xô), chuyên ngành cấp thoát nước.
1985 - 2001	Công tác tại viện thiết kế Xây dựng Quảng Nam - Đà Nẵng, sau được đổi tên thành Công ty tư vấn Thiết kế xây dựng Đà Nẵng. Từ năm 1997: giữ chức vụ Phó giám đốc.
2001 - 05/2007	Phó giám đốc Công ty Cấp nước Đà Nẵng
6/2007 - 05/2010	Bí thư Đảng bộ, Giám đốc Công ty Cấp nước Đà Nẵng

6/2010 - 10/2016	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng
11/2016 - 01/2020	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
04/2020 -> Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long: Không
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long: Tôi sẽ cùng với các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của cổ đông và Công ty.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đà Nẵng, Ngày 05 tháng 05 năm 2021

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Trường Ảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO ĐỀ CỬ

ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Hôm nay, ngày 05/05/2021, chúng tôi là cổ đông sở hữu **9.725.9622** cổ phần, chiếm tỷ lệ **33,65 %** tổng số 28.900.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / Tổng số cổ phần	Ký tên
01	Công ty Cổ phần đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	0400578412	9.725.962	33,65 %	
	Tổng cộng		9.725.962	33,65 %	

Thông nhất đề cử người có tên dưới đây tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026:

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
01	Nguyễn Thị Thu Hà	202242807	Đại học	Cử nhân Kế toán	

Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 vào ngày diễn ra Đại hội cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 05 năm 2021

ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG



Dặng Thanh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU HÀ**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày tháng năm sinh: **18/01/1973**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Quê quán: **Quê Phú, Quê Sơn, Quảng Nam**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- CMND: **201242807 - Cấp ngày: 26/10/2006**
- Nơi cấp: **Công an Thành phố Đà Nẵng**
- Địa chỉ thường trú: **86/2 Đống Đa, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**
- Số điện thoại liên lạc: **0919 335 517**
- Trình độ văn hóa: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Kế toán**
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
10/1995->02/2006	Chuyên viên kinh doanh – Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex _Chi nhánh Đà Nẵng
03/2006->05/2011	Phụ trách Kế toán – Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex _Chi nhánh Đà Nẵng
06/2011->09/2016	Trưởng phòng Kế toán Tổng hợp – Công ty CP Hóa Dầu Quân Đội _Chi nhánh Đà Nẵng
10/2016->Nay	Giám Đốc Ban Tài Chính Kế Toán – Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng-Miền Trung
11/2016->Nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long: Không
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng;
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long: Tôi sẽ cùng với các thành viên Ban kiểm soát của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của cổ đông và Công ty.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đà Nẵng, Ngày 07 tháng 05 năm 2021

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Thị Thu Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Hôm nay, ngày 09/06/2021, Chúng tôi là cổ đông UBND tỉnh Vĩnh Long sở hữu 14.739.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51% tổng số 28.900.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	Số CCCD/CMND	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / Tổng số cổ phần	Ký tên
1	Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Vĩnh Long	Quyết định số: 1392/QĐ - UBND của UBND tỉnh Vĩnh Long	14.739.000	51%	
	Tổng cộng		14.739.000	51%	

Thông nhất đề cử người có tên dưới đây tham gia ứng cử Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026:

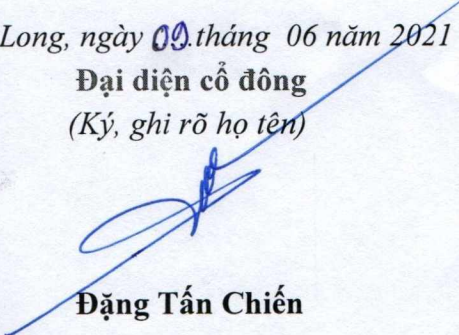
TT	Họ tên ứng cử viên	Số CCCD	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
1	Bùi Thiện Ngọc Minh	086177000636	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế, Cử nhân tài chính doanh nghiệp	16.400
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	086188000806	Đại học	Cử nhân Kế toán - kiểm toán	6.600

Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định để các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

Đại diện cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)


Đặng Tấn Chiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

- Họ và tên: **BÙI THIỆN NGỌC MINH**
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/01/1977
- Nơi sinh: Xã Chánh Hội – Huyện Mang Thít – Tỉnh Vĩnh Long
- Quê quán: Xã Tân Quới Trung – Huyện Vũng Liêm – Tỉnh Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- CCCD/Hộ chiếu: 086177000636 - Cấp ngày: 25/03/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH – Bộ Công An
- Địa chỉ thường trú: Xã Tân Quới Trung – Huyện Vũng Liêm – Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại liên lạc: 0389949697
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Doanh Nghiệp, ĐH Kinh tế TP HCM;
Thạc sĩ Quản lý Kinh tế, Học viện chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh.
- Trình độ chính trị: Cao cấp.
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
Từ tháng 03/2001 đến tháng 03/2005	Kế toán viên, Phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Cấp Nước Vĩnh Long
Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2008	Kế toán tổng hợp, Phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Cấp Nước Vĩnh Long và Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
Từ tháng 04/2008 đến tháng 12/2012	Kiểm soát viên, Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
Từ tháng 01/2013 đến tháng 05/2016	Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
Từ tháng 06/2016 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

- Chức vụ hiện nay tại VWACO: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Phòng Kinh tế - Kế hoạch công ty
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 16.400 cổ phần, chiếm 0,057% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 00,00 cổ phần, chiếm 00,00 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 16.400 cổ phần, chiếm 0,057 % vốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần: không có.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Ban kiểm soát của VWACO: Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên ban kiểm soát, tôi sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI KHAI



BÙI THIÊN NGỌC MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Ban Kiểm soát
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG**
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 24/08/1988
- Nơi sinh: Xã Song Phú – Huyện Tam Bình – Tỉnh Vĩnh Long
- Quê quán: Xã Song Phú – Huyện Tam Bình – Tỉnh Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- CCCD/Hộ chiếu: 086188000806 - Cấp ngày: 25/03/2021
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH – Bộ Công An
- Địa chỉ thường trú: 29/1 Đường Nguyễn Thái Học – Phường 1 – Thành phố Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long.
- Số điện thoại liên lạc: 0908241366
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
03/2012 đến 05/2016	Nhân viên kế toán Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty TNHH MTV Cấp Nước Vĩnh Long
06/2016 đến 07/2019	Thành viên Ban Kiểm soát, nhân viên kế toán Phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long
08/2019 đến 10/2019	Thành viên Ban Kiểm soát, nhân viên Ban Quản Lý Dự Án Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long
11/2019 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát, nhân viên Ban Kỹ Thuật - Quản Lý Dự Án Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

- Chức vụ hiện nay tại VWACO: Thành viên Ban Kiểm soát, nhân viên Ban Kỹ Thuật - Quản Lý Dự Án Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.600 cổ phần, chiếm 0,023% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 6.600 cổ phần, chiếm 0,023 % vốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần.

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU
1	Chồng	Giang Thanh Tùng	086087000474	25/03/2021	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH- Bộ Công An	2.400

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Ban Kiểm soát của VWACO:

Nếu được bầu vào Ban Kiểm Soát của VWACO, tôi sẽ làm việc trên cơ sở hợp pháp, với tinh thần trung thực và mức độ cẩn trọng cao nhằm góp phần đẩy mạnh hiệu quả của hệ thống kiểm soát Công ty.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày 11 tháng 5 năm 2021

NGƯỜI KHAI



NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG